



**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ - TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NĂM 2024**

Vĩnh Phúc, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA PHỤ TRÁCH .. Error! Bookmark not defined.	
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO. Error! Bookmark not defined.	
1. Thông tin khái quát về cơ sở giáo dục nghề nghiệp Error! Bookmark not defined.	
2. Thông tin khái quát về Khoa phụ trách chương trình đào tạo.....	15
3. Thông tin về chương trình đào tạo	17
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG	21
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	21
1. Tổng quan chung	21
1.1. Căn cứ tự đánh giá	21
1.2. Mục đích tự đánh giá	21
1.3. Yêu cầu tự đánh giá	21
1.4. Phương pháp tự đánh giá	21
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	22
2. Tự đánh giá.....	22
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	22
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	29
2.2.1 TIÊU CHÍ 1: <i>Mục tiêu, quản lý và tài chính</i>	29
2.2.2 TIÊU CHÍ 2: <i>Hoạt động đào tạo</i>	34
2.2.3 TIÊU CHÍ 3: <i>Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i>	42
2.2.4. TIÊU CHÍ 4: <i>Chương trình, giáo trình</i>	49
2.2.5 TIÊU CHÍ 5: <i>Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i>	60
2.2.6. TIÊU CHÍ 6: <i>Dịch vụ cho người học</i>	67
2.2.7. TIÊU CHÍ 7: <i>Giám sát, đánh giá chất lượng</i>	75
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	83
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	85

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	BCH	Ban chấp hành
2	BCN	Bộ công nghiệp nặng
3	BCSD	Ban cán sự đảng
4	BCT	Bộ công thương
5	BG&ĐT	Bộ giáo dục và đào tạo
6	BGH	Ban giám hiệu
7	BLĐTB&XH	Bộ lao động - Thương binh và Xã hội
8	BNV	Bộ nội vụ
9	CBGV	Cán bộ giáo viên
10	CBQL	Cán bộ quản lý
11	CBVC	Cán bộ viên chức
12	CĐCN&TM	Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
13	CĐCNPY	Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
14	CĐN	Cao đẳng nghề
15	CNTT	Công nghệ thông tin
16	CP	Chính phủ
17	CSVC	Cơ sở vật chất
18	CTĐT	Chương trình đào tạo
19	CTHSSV	Công tác học sinh sinh viên
20	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
21	ĐCCT	Đề cương chi tiết
22	ĐT	Đào tạo
23	ĐTN	Đoàn thanh niên
24	ĐTNCSHCM	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
25	ĐVTN	Đoàn viên thanh niên
26	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
27	GDPT	Giáo dục phổ thông
28	GDTX	Giáo dục thường xuyên
29	GTVL	Giới thiệu việc làm
30	GV	Giáo viên
31	GVCN/CVHT	Giáo viên chủ nhiệm cố vấn học tập
32	HSSV	Học sinh - sinh viên
33	HSV	Hội sinh viên
34	TĐG	Tự đánh giá

35	KĐCL	Kiểm định chất lượng
36	TĐGCLGDNN	Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp
37	KH	Kế hoạch
38	KHCN	Khoa học công nghệ
39	KHCN-ĐN	Khoa học công nghệ - Đối ngoại
40	KTX	Ký túc xá
41	LĐTBOXH	Lao động Thương binh và Xã hội
42	NCKH	Nghiên cứu khoa học
43	NSNN	Ngân sách Nhà nước
44	NV - KTV	Nhân viên - Kỹ thuật viên
45	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
46	QĐ	Quyết định
47	QLGD	Quản lý giáo dục
48	QTDN	Quản trị doanh nghiệp
49	QT-TB	Quản trị - Thiết bị
50	SPDN	Sư phạm dạy nghề
51	TB	Thông báo
52	TCCB	Tổ chức cán bộ
53	TCĐC	Tổng cục địa chất
54	TCGDNN	Tổng cục giáo dục Nghề nghiệp
55	TCHC	Tổ chức - Hành chính
56	TCKT	Tài chính - Kế toán
57	TCN	Trung cấp nghề
58	TĐKT	Thi đua khen thưởng
59	THCS	Trung học cơ sở
60	TN	Tốt nghiệp
61	TT	Thông tư
62	TTTS & GTVL	Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm
63	UBND	Ủy ban nhân dân
64	XKLD	Xuất khẩu lao động

PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại

1.2. Tên tiếng Anh: COLLEGE OF INDUSTRY AND TRADE

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: *Cơ sở 1*: Phường Trung Nhị - Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.

Cơ sở 2: Xã Minh Trí - Huyện Sóc Sơn - Thành phố Hà Nội.

Cơ sở 3: Xã Nam Viêm - Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc.

1.5. Số điện thoại: 0211 3 873 910

1.6. Số Fax: 0211 3 873 910

1.7. Email: Coit@pci.edu.vn

1.8. Website: www.coit.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường:

Năm thành lập trường: 1960 theo quyết định số 255/TCĐC ngày 15 tháng 10 năm 1960 của Tổng cục Địa chất. Trường mang tên Trường Trung cấp Địa chất.

Năm nâng cấp lên trường: 2006 theo Quyết định số 2832/2006/QĐ-BG&ĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Trường mang tên Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên.

Năm đổi tên trường: 2018 theo Quyết định số 599/QĐ-LĐTĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại.

1.10. Loại hình trường: Công lập

2. Thành tích nổi bật của trường

Trong 64 năm xây dựng và trưởng thành, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động, Nhà trường đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo; từng bước đầu tư và hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đội ngũ cán bộ giáo viên tăng cả về số lượng cũng như chất lượng. Đến nay, Nhà trường đã

mở được nhiều ngành nghề đào tạo; quy mô tuyển sinh của trường tương đối ổn định qua các năm.

Học sinh sinh viên tốt nghiệp ra trường có kỹ năng tốt, đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Những thành tích nổi bật đáng ghi nhận:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, BGH nhà trường và sự phối hợp của các Đoàn thể, Nhà trường đã tổ chức tốt nhiều hoạt động thi đua dạy tốt, học tốt, hoàn thành nhiệm vụ đào tạo và phát triển nhà trường. Với những thành tích hoạt động trong thời gian qua, Nhà trường đã được Bộ Công thương, Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Vĩnh Phúc tặng nhiều Bằng khen.

Đảng ủy nhà trường đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*” được Đảng ủy Khối Công nghiệp công nhận và tặng Giấy khen.

Tổ chức Công đoàn hoạt động có hiệu quả cao, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác giảng dạy và học tập, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức và thực hiện Nghị quyết hội nghị Cán bộ - Viên chức hàng năm. Thực hiện các phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả, đời sống của CBVC ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều năm liền Công đoàn trường đạt danh hiệu: “*Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc*”; nhiều đoàn viên được tặng Giấy khen Công đoàn Công thương, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

Đoàn trường đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm phần lớn đoàn viên, thanh niên là HSSV nên các hoạt động của Đoàn đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân lập nghiệp. Thông qua các hoạt động nhằm giúp HSSV có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn trường cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho ĐVTN như văn hóa văn nghệ, TĐTT; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hàng năm... Công tác

tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Vĩnh Phúc và Thành Đoàn phát động.

*** Một số thành tích cụ thể:**

Ghi nhận những thành tích đóng góp của Nhà trường đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý:

Cờ thi đua của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, QĐ số 2229/QĐ-UBND, ngày 12/9/2019.

Tập thể lao động xuất sắc Bộ Công Thương: QĐ số 33/QĐ-BCT, ngày 7 tháng 1 năm 2020.

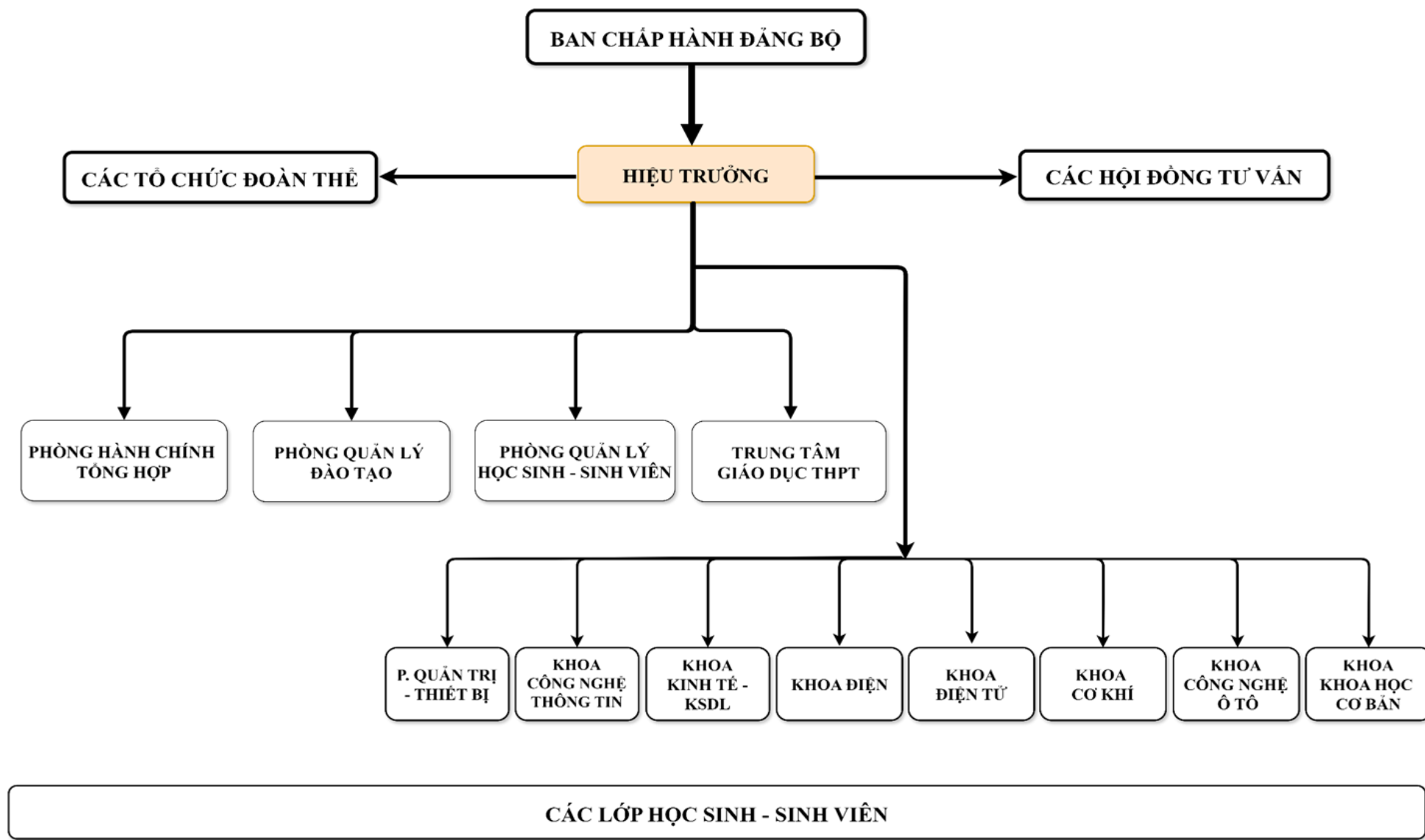
Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020, Quyết định số 378-QĐ/ĐUK ngày 05 tháng 01 năm 2021 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2020;

Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021, Quyết định số 1177-QĐ/ĐUK ngày 24 tháng 12 năm 2021 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2021;

Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022, Quyết định số 2080-QĐ/ĐUK ngày 28 tháng 12 năm 2022 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2022).

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Cơ cấu tổ chức (sơ đồ trang bên)



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu				
	Nguyễn Hải Bằng	1975	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn				
Đảng ủy	Nguyễn Hải Bằng	1975	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Bí thư
Công Đoàn	Nguyễn Quốc trí	1977	Thạc sĩ Kinh tế	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Vũ Thị Thùy Linh	1986	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các Phòng, Ban chức năng				
Phòng Quản lý Đào tạo	Vũ Cao Điền	1972	Thạc sĩ kỹ thuật	Trưởng phòng
Phòng Hành chính tổng hợp	Hoàng Trung Việt	1977	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trưởng phòng
Phòng Quản lý Học sinh - Sinh viên	Nguyễn Thành Long	1976	Thạc sĩ Vật lý	Trưởng phòng
Phòng Quản trị - Thiết bị	Lý Hồng Thắng	1978	Thạc sĩ chuyên ngành lý luận và Phương pháp DH	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Khoa Điện	Trần Quốc Hoàn	1979	Thạc sĩ Điện khí hóa mỏ	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Nguyễn Đức Minh	1983	Thạc sĩ CN cơ khí	Trưởng khoa
Khoa Điện tử	Lưu Văn Hải	1976	Thạc sĩ KT điện tử	Trưởng khoa
Khoa KHCB	Trần Hoài Thu	1979	Thạc sĩ Triết học	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế - KSDL	Nguyễn Quốc Trí	1977	Thạc sĩ kinh tế	Trưởng khoa
Khoa CNTT	Phù Xuân Vĩnh	1973	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Trưởng khoa
Khoa CN ô tô	Nguyễn Thái Hà	1977	Thạc sĩ Kỹ thuật ô tô	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa
5. Trưởng các Trung tâm				
TT GD THPT	Nguyễn Minh Tú	1978	Thạc sĩ Toán	Giám đốc

3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	133	134	127
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	122	122	115
- Tiến sĩ	02	02	3
- Thạc sĩ	102	100	93
- Đại học	18	20	19
- Cao đẳng	0	0	0

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
- Trung cấp	0	0	0
- Trình độ khác	0	0	0
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	74/122 Chiếm tỷ lệ 60,6%	74/122 Chiếm tỷ lệ 60,6%	72/115 Chiếm tỷ lệ 62,6%

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

ST T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	80		80	23	80	28
		Trung cấp	220	145	370	32	405	135
		Sơ cấp	20		20		20	2
2	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	25	13	25	13	25	
		Trung cấp	130	60	130	33	95	23
		Sơ cấp	20		20		20	
3	Hàn	Cao đẳng						
		Trung cấp	50	25	50		25	
		Sơ cấp	40		40		40	
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp	100		100		70	
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Cao đẳng	40	11	40	10	40	
		Trung cấp	60	20	60	17	60	20
6	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	60		60	16	60	
		Trung cấp	195	139	195		230	152

ST T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
					Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Cao đẳng	80		80	23		
		Trung cấp						
8	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Cao đẳng	30		30		30	
10	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	30	29	30	26	30	19
		Trung cấp	40	19	40	27	40	29
		Sơ cấp	60		60		60	
10	Khoan thăm dò địa chất	Cao đẳng						
		Trung cấp	30		30		30	
		Sơ cấp	20		20		20	
11	Khai thác mỏ	Sơ cấp	200		200		200	
12	Tiện	Sơ cấp	40		40		40	
13	Tin học ứng dụng	Trung cấp	25		25	46	25	45
		Cao đẳng						
14	Lập trình máy tính	Cao đẳng						
15	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	25		25		25	
		Trung cấp	155	72	155	84	95	30
		Sơ cấp	25		25		25	
16	Tiếng Hàn Quốc	Cao đẳng	30		30		30	

ST T	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
					Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
17	Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại	Cao đẳng	100	23	100	46	100	
18	Nghiệp vụ lưu trú	Sơ cấp	40		40	40		
19	Nghiệp vụ nhà hàng	Sơ cấp	40		40	40		
20	Quản lý bán hàng siêu thị	Trung cấp						
21	Nghiệp vụ bán hàng siêu thị	Sơ cấp						
22	Thiết kế đồ họa	Trung cấp						
23	Tin học văn phòng	Sơ cấp	25		25		25	
24	Trắc địa - Địa chính	Sơ cấp	40		40		40	
25	Nghiệp vụ lễ tân	Cao đẳng	25		25			
		Trung cấp	50	49	50	43	50	44
		Sơ cấp	40		40			

* **Quy mô tuyển sinh:** Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề.

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
----------	----------	----------	----------

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng-m ²)	18682	18682	18682
- Khu hiệu bộ	1000	1000	1000
- Phòng học lý thuyết	4346	4346	4346
- Xưởng thực hành	4246	4246	4246
- Khu phục vụ	9090	9090	9090
+ Thư viện	360	360	360
+ Ký túc xá	2950	2950	2950
+ Nhà ăn	400	400	400
+ Trạm y tế	80	80	80
+ Khu thể thao	5000	5000	5000
- Hội trường - giảng đường	300	300	300
2. Tổng số đầu sách của trường	7418	7456	7456
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	3298	3298	3298
3. Tổng số máy tính của trường	276	276	276
- Dành cho văn phòng	46	46	46
- Dành cho học sinh học tập	230	230	230
4. Tổng nguồn kinh phí của trường	28.987.772.456	23.824.715.042	30.000.000.000
5. Tổng thu học phí	3.840.078.000	1.528.465.0000	1.700.000.000
6. Tổng kinh phí quyết toán	18.604.226.000	19.393.024.800	Chưa quyết toán

2. Thông tin khái quát về Khoa phụ trách chương trình đào tạo

2.1 Lịch sử phát triển

Ngày 17/6/1970 Tổng Cục Địa chất quyết định thành lập: Trường Công nhân kỹ thuật địa chất. Nhiệm vụ của Nhà trường đào tạo nhiều nghề: khoan thăm dò địa chất; Công trình địa chất, công nhân cơ khí, công nhân vận hành máy nổ, máy xúc, ủi, sửa chữa động cơ (Khoa Công nghệ ô tô ngày nay).

Từ năm 1994 đến năm 1998 trước nhu cầu đòi hỏi cần có lực lượng công nhân kỹ thuật có kiến thức lý thuyết, nhưng phải giỏi tay nghề, nắm vững và làm chủ được các phương tiện kỹ thuật và đa dạng hoá ngành nghề đào tạo Nhà trường đã thành lập Ban nghề vận hành thiết bị trên cơ sở Tổ sửa chữa động cơ. Ban có nhiệm vụ đào tạo các nghề: Sửa chữa động cơ, vận hành máy xúc-gạt và vận hành máy nổ.

Trước năm 2005 Khoa chỉ đào tạo hệ dạy nghề: sửa chữa động cơ, vận hành máy xúc - gạt, nghề khoan. Do nhu cầu của người học và sự phát triển của Nhà trường, ngoài đào tạo hệ dạy nghề, khoa đã được phép đào tạo trình độ Trung cấp chuyên nghiệp ngành Công nghệ ô tô. Đến năm 2006 trường đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên, khoa Động Lực được phép đào tạo trình độ Cao đẳng chuyên nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô. Năm 2008 khoa được sáp nhập với khoa Cơ Khí chế tạo. Do nhu cầu của người học ngày càng nhiều và tính chất đặc thù nghề nghiệp, do đó nhà trường ra quyết định số 299/QĐ-CĐCNPY-TCHC, ngày 10 tháng 8 năm 2009 về việc tách đơn vị: tách tổ Lý thuyết động cơ và tổ Thực hành động cơ ra khỏi khoa Cơ khí để thành lập khoa Động Lực. Khoa có nhiệm vụ đào tạo nhân lực ở các bậc học về Công nghệ ô tô, tổ chức dạy nghề từ sơ cấp nghề đến cao đẳng nghề, từ trung cấp chuyên nghiệp đến cao đẳng chuyên nghiệp để phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực tỉnh Vĩnh Phúc và cả nước. Năm 2015 trước sự thay đổi về quy mô đào tạo, Nhà trường đã tiến hành xác nhập khoa Cơ khí và khoa Động lực. Đến năm 2016, để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành nghề trong giai đoạn mới, tổ Công nghệ ô tô tách ra khỏi Khoa Cơ khí để thành lập Khoa Công nghệ ô tô.

Theo Quyết định số 1836/QĐ-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc Phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2021 và định hướng đến năm 2025 thì ngành Công nghệ ô tô thuộc Khoa Công nghệ ô tô, trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đã được lựa chọn là nghề trọng điểm cấp Quốc gia.

2.2 Thành tích đạt được

- Luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.
- Luôn ổn định và phát triển với lượng người học đăng ký vào khoa liên tục tăng trong những năm gần đây.

- Năm học 2017 - 2018, tập thể khoa được nhà trường công nhận là tập thể lao động xuất sắc.

- Hoàn thành 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ và nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở

2.3 Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy môn học, môđun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô

- Nam: 04 - Nữ: 0
- Cơ hữu: 04 - Thỉnh giảng: 0

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	01	0	01
Thạc sĩ	03	0	03
Đại học	0	0	0
Cao đẳng	0	0	0
Tổng	04	0	04

2.4. Quy mô đào tạo của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Trung cấp:

2.4.1. Quy mô tuyển sinh nghề Công nghệ ô tô

Năm	
2023	2024
155	70

2.4.2 Quy mô đào tạo nghề Công nghệ ô tô

Năm	
2023	2024
135	63

2.4.3 Tổng số học sinh nghề Công nghệ ô tô đã tốt nghiệp

Năm	
2023	2024
76	35

2.5 Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 26.100

Tổng số đầu sách có liên quan tới chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô: 2.438

2.6 Tổng thu học phí của người học chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô (chỉ tính hệ chính quy) trong 2 năm gần đây:

- Năm học 2023 - 2024: 850.000 VNĐ/tháng(268.000VNĐ/ tín chỉ)

- Năm học 2024 - 2025: 1.271.000 VNĐ/tháng(406.000VNĐ/ tín chỉ)

3. Thông tin về chương trình đào tạo

Tên ngành, nghề:Công nghệ ô tô

Mã ngành, nghề: 5510216

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương.

Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Công nghệ ô tô trình độ trung cấp là ngành, nghề học tích hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực khoa học kỹ thuật khác nhau như: cơ học, cơ khí, điện - điện tử, tự động hóa, tin học, an toàn..., đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Ngành, nghề Công nghệ ô tô chủ yếu tập trung giải quyết bốn vấn đề cơ bản: Thiết kế, chế tạo, khai thác sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa. Người học trình độ trung cấp sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận nhiệm vụ như bảo dưỡng, sửa chữa; chế tạo, sản xuất; quản lý, kinh doanh; đào tạo trong lĩnh vực ô tô và xe - máy chuyên dùng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu cơ bản trong ô tô;
- Tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước công việc trong quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa một số bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô;
- Trình bày được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp;
- Phân tích được các kỹ năng, thao tác cơ bản trong lái xe ô tô;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Kỹ năng

- Đọc được bản vẽ kỹ thuật đơn giản; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra cơ bản trong ngành, nghề Công nghệ ô tô; bảo quản thiết bị và dụng cụ liên quan đến ngành, nghề công nghệ ô tô;

- Kiểm tra những sai hỏng của các cụm chi tiết, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Lập được các quy trình tháo, lắp đơn giản của các bộ phận, hệ thống cơ bản trên ô tô;

- Lập được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa đơn giản phù hợp với từng chi tiết, bộ phận, hệ thống và loại ô tô;

- Thực hiện các công việc bảo dưỡng, sửa chữa đúng quy trình, quy phạm và đảm bảo kỹ thuật;

- Tổ chức và quản lý quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tương ứng với trình độ được đào tạo;

- Vận hành được ô tô đúng luật, đúng yêu cầu kỹ thuật và đảm bảo an toàn;

- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học ở trình độ thấp hơn.

- Kỹ năng sử dụng các thuật ngữ chuyên môn của ngành, nghề đào tạo trong giao tiếp hiệu quả tại nơi làm việc; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng các công việc đơn giản và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm một phần đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;

- Đánh giá hoạt động của nhóm và kết quả thực hiện;

- Yêu nghề, có ý thức cộng đồng, tinh thần trách nhiệm tốt, thái độ ứng xử, giải quyết vấn đề nghiệp vụ Hợp lý, cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;

- Tinh thần hợp tác nhóm tốt, chủ động thực hiện công việc được giao và có tác phong công nghiệp;

- Chấp hành nghiêm quy định về bảo hộ lao động, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy;

- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

1.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp trong lĩnh vực ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ (máy) ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa không khí ô tô;
- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: **24**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **1650 giờ**
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **255 giờ**
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **1395 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: **553 giờ**; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1010 giờ**
- Thời gian khóa học: **2 năm** (24 tháng)

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian của môn học, mô đun (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				LT	TH, TN	KT

I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MHTC20010051	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MHTC20010041	Pháp luật	1	15	9	5	1
MHTC20040041	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MHTC20040031	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MHTC13020031	Tin học	2	45	15	29	1
MHTC21013601	Tiếng anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	51	1395	459	862	74
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	8	165	81	74	10
MHTC17020321	Vẽ kỹ thuật	2	30	28		2
MHTC18020331	An toàn và MTCN	2	30	28		2
MĐTC17013011	Dung sai lắp ghép & đo lường kỹ thuật	2	45	15	28	2
MĐTC17029011	Thực tập hàn, nguội	2	60	10	46	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	43	1230	378	788	64
MHTC18010151	Kỹ thuật chung về ô tô – CN sửa chữa	3	60	30	26	4
MĐTC18010351	BD-SC cơ cấu TK - TT và bộ phận cố định	4	90	30	54	6
MHTC18010171	BD-SC Hệ thống phân phối khí	2	60	20	36	4
MHTC18010181	BD-SC Hệ thống bôi trơn - làm mát	2	60	20	36	4
MHTC18010191	BD-SC Hệ thống nhiên liệu xăng	2	60	20	36	4
MHTC18010201	BD-SC Hệ thống NL động cơ diesel	2	60	20	36	4
MĐTC18010361	BD-SC trang bị điện ô tô	5	105	45	54	6
MĐTC18010371	BD-SC Hệ thống truyền lực	4	90	30	54	6
MHTC18010231	BD-SC Hệ thống lái - di động	2	60	20	36	4
MHTC18010241	BD-SC Hệ thống phanh	2	60	20	36	4
MHTC18010261	TH mạch điện cơ bản	2	60	20	36	4
MĐTC18020271	Vận hành ô tô	3	75	28	43	4
MHTC18020281	SC - BD mô tô - xe máy	4	90	45	39	6
MĐCC18020271	Thực tập tốt nghiệp	6	300	30	266	4
	Tổng cộng	63	1650	553	1010	87

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn số: 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đánh giá chất lượng đào tạo của nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp, qua đó xác định mức độ thực hiện mục tiêu và nội dung chương trình để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Tự đánh giá là một quá trình liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn trường. Hoạt động tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

Phương pháp tự đánh giá của Trường được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện tự đánh giá; tổ chức tập huấn cho tất cả các thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn, đánh giá từng tiêu chuẩn. Mỗi đơn vị trong toàn trường (bao gồm các phòng, khoa, trung tâm) đã cử các cán bộ tham gia các nhóm công tác chuyên trách.

Các minh chứng thu thập từ các Phòng, Khoa được mã hoá theo qui định của từng tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng. Khoa Công nghệ Ô tô tổng hợp kết quả từ các

báo cáo của các đơn vị cung cấp đề lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng tự đánh giá xem xét. Hội đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi trường các đơn vị. Tổ chức hội nghị toàn thể cán bộ viên chức nhà trường lấy ý kiến đóng góp cho báo cáo tự đánh giá. Khoa công nghệ Ô tô thu thập tất cả các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá lần cuối, trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp báo cáo cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/2017/TT-LĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt</i>
	Tổng điểm	100	94
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình	2	2

	đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.		
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	10
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	0
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và	2	2

	đúng theo quy định.		
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và	2	2

	cập nhật theo quy định.		
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2

4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	14
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	0
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử	2	2

	phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2

7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1 TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Trong những năm qua, Khoa Công nghệ ô tô luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ triển khai thực hiện chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được nhà trường giao. Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được rà soát điều chỉnh hàng năm, đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo chung của nhà trường, của địa phương/ngành nghề và nhu cầu của thị trường lao động. Nhà trường đảm bảo các nguồn lực tài chính đảm bảo cho thực hiện mục tiêu của chương trình đào tạo, chất lượng dạy và học.

**** Những điểm mạnh:***

- Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô phù hợp mục tiêu đào tạo của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh hàng năm theo quy định.

- Hoạt động quản lý, điều hành hoạt động dạy và học của Khoa Công nghệ ô tô theo đúng chức năng, nhiệm vụ được Nhà trường giao; đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đào tạo của nghề Công nghệ ô tô.

- Nhà trường có định mức kinh phí chi đào tạo trên đầu người học hàng năm từ các nguồn thu hợp pháp nhằm đảm bảo chất lượng trong việc triển khai chương trình đào tạo.

**** Những tồn tại: Không có.***

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

- Hằng năm, tiếp tục duy trì việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển chung của nhà trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thuộc lĩnh vực Công nghệ ô tô, đặc biệt chú trọng các lĩnh vực Công nghệ ô tô ứng dụng công nghệ cao.

- Tiếp tục đầu tư các nguồn lực cần thiết nhằm phát triển Khoa Công nghệ ô tô và chương trình nghề Công nghệ ô tô nói riêng thực sự trở thành chương trình chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2006, Nhà trường được Bộ Giáo Dục ra Quyết định thành lập Trường Cao Đẳng Công nghiệp Phúc Yên Quyết định số 2832/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại theo Quyết định số 599/QĐ-LĐTĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được Bộ Công Thương quy định về các cấp trình độ đào tạo, ngành nghề và cơ cấu các đơn vị Phòng/Khoa/Bộ môn/Trung tâm trong Nhà trường (1.1.01 - Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 27/06/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).

Với mục tiêu của Trường là “Phấn đấu xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại trở thành trường chất lượng cao cấp độ quốc gia, đến năm 2025 có đủ điều kiện đào tạo kỹ sư thực hành cho 7 nghề trọng điểm đạt cấp độ quốc tế. Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao, đa cấp, đa ngành, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Mở rộng quan hệ hợp tác, tạo được thương hiệu mạnh trong nước, khu vực và quốc tế” (1.1.02 - Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên).

Trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu phát triển nhân lực theo Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (1.1.03 - Quy hoạch phát triển nhân lực Việt

Nam giai đoạn 2011 – 2020); Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030(1.1.04 -Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030); Quyết định phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; Trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 (1.1.05– Quyết định số1769/QĐ-LDTBXH phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; Trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 ban hành ngày 25/11/2019); Nhà trường xây dựng Chiến lược phát triển của Trường giai đoạn đến 2025, tầm nhìn 2030; Chiến lược xác định rõ mục tiêu và giải pháp phát triển các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, trong đó có nghề Công nghệ ô tô là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển đào tạo ở các giai đoạn (1.1.02 - Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên).

Hàng năm, căn cứ vào tình hình hoạt động đào tạo của Trường, của nghề đào tạo và theo sự thay đổi của cơ chế, chính sách, nhu cầu thị trường lao động và cập nhật sự tiến bộ của khoa học công nghệ. Nhà trường đã tiến hành, rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo cho phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động. Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp khi xây dựng, điều chỉnh đều có sự tham gia ý kiến của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp và cơ quan quản lý cấp trên theo quy định, trong đó có ý kiến đóng góp về mục tiêu của chương trình (1.1.06 -Kế hoạch xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2022 - 2023; 1.1.07 - Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm biên soạn, chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2022 - 2023; 1.1.08 - **Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2023, 2024;** 1.1.09 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2022 - 2023; 1.1.10 - **Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2023, 2024).**

Mục tiêu được công bố rộng rãi trên website nhà trường và được thông báo đến tất cả cán bộ giáo viên và HSSV trong nhà trường (1.1.11 - <https://coit.edu.vn/chitiet-3-763-dao-tao.html.vn>).

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, cựu HSSV và Doanh nghiệp về sự phù hợp của mục tiêu của chương trình đào tạo với mục tiêu đào tạo của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được thực hiện theo các bước, cụ thể: Lập danh sách và kế hoạch khảo sát (1.1.12 - *Danh sách các đối tượng tham gia khảo sát năm 2022, 2023*; 1.1.13 - *Kế hoạch khảo sát năm 2022, 2023*); Xây dựng bộ phiếu khảo sát để lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, cựu HSSV và Doanh nghiệp (1.1.14 - *Bộ phiếu khảo sát 2022, 2023*); Sau khi khảo sát khoa đã thu thập, phân tích, xử lý và lập báo cáo (1.1.15 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2022, 2023*; 1.1.16 - *Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2022, 2023*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Công nghệ ô tô là đơn vị chuyên môn được nhà trường giao nhiệm vụ phụ trách triển khai thực hiện chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô. Các môn học chung trong chương trình đào tạo do các giáo viên của các đơn vị khác trong trường theo chức năng, nhiệm vụ đảm nhận. Ngoài ra, các phòng chức năng trong Trường tham gia cùng với Khoa Công nghệ ô tô trong các hoạt động quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao. (1.2.01- *Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại*).

Kết thúc mỗi học kỳ và năm học, Khoa Công nghệ ô tô dựa vào kết quả học tập của HSSV, dựa vào kết quả thanh kiểm tra của các phòng ban liên quan đến đào tạo và dựa vào kết quả họp xét của các Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường để báo cáo tổng kết đánh giá các hoạt động đào tạo (1.2.02 – *Báo cáo tổng kết học kỳ, năm học của Khoa Công nghệ ô tô năm học, 2022 – 2023, 2023 – 2024*; 1.2.03 – *Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng các năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024*).

Khoa Công nghệ ô tô, hàng năm đều được Hội đồng thi đua, khen thưởng nhà trường đánh giá và công nhận là đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ; (1.2.04 - *Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể cá nhân năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo trên cơ sở các nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo, giá thị trường của vật tư học tập và nhu cầu vật tư thực tế phục vụ cho hoạt động đào tạo.

Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2023 - 2024; Nhà trường đã quy định về mức thu học phí cho các nghề trong đó có nghề Công nghệ ô tô (1.3.01 - *Quyết định thu học phí các năm học 2022 – 2023, 2023 – 2024*)

Nhà trường xây dựng định mức tiêu hao vật tư cho từng nghề, định mức được xây dựng cho từng ngành nghề, hệ đào tạo là 6,5% tính trên 01HSSV/năm được quy định rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ (1.3.02 - *Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2023, 2024*) trên cơ sở danh mục vật tư học tập cho HSSV thực tập theo từng khóa do Khoa chuyên môn xây dựng và dự trù kinh phí dựa trên báo giá thị trường (1.3.03 - *Dự trù kinh phí vật tư học tập, dụng cụ lâu bền cho HSSV Trung cấp nghề Công nghệ ô tô theo khóa năm học 2022 – 2023; 2023-2024* 1.3.04 - *Biên bản bàn giao vật tư thực hành*)

Hàng tháng, để đánh giá việc sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí phục vụ cho đào tạo đồng thời điều chỉnh mức chi phù hợp, đảm bảo chất lượng cho chương trình đào tạo Khoa tiến hành kiểm tra công tác giảng dạy và việc thực hiện quy chế giảng dạy (1.3.05- *Kế hoạch kiểm tra hàng tháng của Khoa năm học 2022 – 2023; 2023-2024*). Nhà trường cũng tiến hành thanh tra dự giờ hàng tháng theo kế hoạch của phòng Kiểm định - Đảm bảo chất lượng (1.3.06 - *Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp năm học 2022 – 2023; 2023-2024*). Các đợt kiểm tra đều có biên bản đánh giá (1.3.07 - *Biên bản kiểm tra của đơn vị năm học 2022 – 2023; 2023-2024*).

Tình hình quản lý và sử dụng các nguồn tài chính được lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các đơn vị đánh giá và đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn tài chính trong thời gian tới tại Hội nghị Công chức, viên chức và

người lao động (1.3.08– Báo cáo tài chính hàng năm tại hội nghị CNVC năm 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm

2.2.2 TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Hoạt động đào tạo được xác định là một hoạt động trung tâm của Khoa Công nghệ ô tô nói riêng cũng như của Nhà trường nói chung. Quá trình tổ chức các hoạt động đào tạo phải luôn hướng tới và đạt được mục tiêu đào tạo. Để làm được điều đó, Khoa đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, yêu cầu của người sử dụng lao động. Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, vươn tới đạt chuẩn đào tạo của các nước tiên tiến trong khu vực và quốc tế.

Chất lượng đào tạo được nhà trường coi là sự sống còn trong việc thực hiện sứ mạng và khẳng định vị trí và thương hiệu nhà trường cũng như của Khoa Công nghệ ô tô. Trong quá trình tổ chức dạy và học, kế hoạch đào tạo được khoa xây dựng khoa học, phù hợp trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc biệt quan tâm tới các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghiêm túc.

Nhà trường chủ trương và thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình thi, kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học, mô đun nghề Công nghệ ô tô.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; việc tuyển sinh được thực hiện đúng thủ tục, đúng nguyên tắc, thể hiện được sự đa dạng hoá hình thức tổ chức và sự sáng tạo, chương trình đào tạo ngày càng thể hiện sự gắn kết với thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu việc làm của người học và yêu cầu của người sử dụng.

**** Những điểm mạnh:***

- Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo đúng quy định, thực hiện công tác tuyển sinh đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, luôn tuyển sinh đạt trên 80% chỉ tiêu được giao.

- Kế hoạch, tiến độ đào tạo được phê duyệt và thực hiện theo từng học kỳ, năm học, chi tiết đến từng môn học/mô đun, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp

với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, trên 70% các môn học/ mô đun nghề Công nghệ ô tô thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

- Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo đúng nội dung, chương trình đã được phê duyệt; có sự tham gia của các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với nghề Công nghệ ô tô.

- Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện tính nghiêm túc, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù ngành nghề đào tạo, môn học, phương thức, hình thức và mục tiêu đào tạo đảm bảo tính khoa học.

- Định kỳ hàng năm tổ chức hội giảng cấp khoa, cấp trường và tham gia hội giảng các cấp đạt giải cao đã tạo điều kiện tốt cho giáo viên phấn đấu, học hỏi - không ngừng, tự nâng cao năng lực chuyên môn cũng như phương pháp giảng dạy, đồng thời phổ biến kinh nghiệm giảng dạy trong toàn thể đội ngũ giáo viên nhà trường.

- Nhà trường sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo nhằm nâng cao công tác quản lý đào tạo và xây dựng kế hoạch đào tạo thực sự khoa học, kiểm soát tốt tiến độ thực hiện giảng dạy trong từng học kỳ, năm học và khóa học.

* *Những tồn tại:* Không có

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Duy trì việc thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy định, việc thực hiện kiểm tra đánh giá kết quả học tập đúng quy định.

- Phát huy việc nâng cao năng lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy của giáo viên; việc kết hợp với đơn vị sử dụng lao động trong hoạt động đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	0
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Công nghệ ô tô là một trong các ngành nghề của nhà trường được Bộ Lao động – TB&XH cấp phép đào tạo ở 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp (2.1.01. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 109,109a,109b,109c/2018/ GCNĐKHD-TCGDNN).

Hàng năm, Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Vào đầu năm, Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh (2.2.02 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2023, 2024), thành lập và phân công nhiệm vụ cụ thể cho Ban thư ký (2.1.03 - Quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh năm 2023, 2024). Dựa vào quy mô tuyển sinh năm trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp, năng lực đào tạo của Khoa và cơ sở vật chất của Nhà trường, Hội đồng tuyển sinh họp thống nhất xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường theo quy định (2.1.04 - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023, 2024).

Trên cơ sở đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm của Trường, Trung tâm tuyển sinh và Giới thiệu việc làm xây dựng kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh trình Hiệu trưởng phê duyệt (2.1.05 - Kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh năm 2023, 2024). Đồng thời

Trung tâm tuyển sinh và giới thiệu việc làm ra thông báo tuyển sinh để các thí sinh đăng ký nghề công nghệ ô tô (2.1.06 - *Thông báo tuyển sinh năm 2023, 2024*). Thí sinh có thể đăng ký dự tuyển vào Trường thông qua mẫu phiếu đăng ký tuyển sinh do Nhà trường phát hành đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường và gửi hồ sơ xét tuyển tới Trung tâm tuyển sinh và Giới thiệu việc làm (2.1.07 - *Hồ sơ xét tuyển*). Trên cơ sở hồ sơ xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh họp quyết định công nhận trúng tuyển (2.1.08 - *Biên bản họp HĐTS công nhận kết quả trúng tuyển năm 2023, 2024*; 2.1.09 - *Quyết định công nhận trúng tuyển*). Trên cơ sở đó phòng Công tác học sinh sinh viên ra quyết định thành lập các lớp (2.1.10 - *Quyết định thành lập lớp các năm 2023, 2024*).

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch hậu kiểm tuyển sinh (2.1.11 - *Kế hoạch hậu kiểm công tác tuyển sinh các năm 2022, 2023*) và thực hiện hậu kiểm để đánh giá quá trình tuyển sinh của Nhà trường đúng kế hoạch, phát hiện những sai sót, vi phạm trong quá trình tuyển sinh của Nhà trường và có Báo cáo chi tiết về công tác hậu kiểm tuyển sinh (2.1.12 - *Báo cáo về việc hậu kiểm công tác tuyển sinh các năm 2023, 2024*). Cuối năm, Trung tâm Tuyển sinh - Giới thiệu việc làm đều có báo cáo công tác tuyển sinh về những khó khăn và thuận lợi của trung tâm, đề xuất kiến nghị để năm sau làm tốt hơn (2.1.13 - *Báo cáo kết quả công tác tuyển sinh năm của trường năm 2023, 2024*).

Kết quả tuyển sinh đối với nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp so với chỉ tiêu được xác định trong quy chế tuyển sinh hàng năm 2024 của Trường đạt trên 100% trở lên, cụ thể:

- Năm 2024: $70/70 = 100\%$

- Năm 2023: $36/130 = 27,69\%$

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. Khoa đã tiến hành triển khai theo các kế hoạch của Nhà trường.

Kế hoạch đào tạo toàn khóa của mỗi lớp được Nhà trường xây dựng và ban hành cùng Chương trình đào tạo, trong đó từng môn học, mô đun được xác định rõ vị trí bố trí trong quá trình đào tạo, thời gian đào tạo, số giờ học lý thuyết, số giờ thực hành và thực tập sản xuất để phù hợp với thực tiễn (2.2.01 - *Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2023, 2024*). Kế hoạch đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng vào đầu mỗi năm học, trong đó thể hiện chi tiết thời gian hoạt động của từng lớp học trong 52 tuần như học chính trị đầu khóa, học, thi, nghỉ tết, thực tập, nghỉ hè... (2.2.02 - *Kế hoạch đào tạo hệ trung cấp nghề Công nghệ ô tô năm học 2023 – 2024, 2023 – 2024*). Vào đầu học kỳ, phòng Đào tạo căn cứ vào kế hoạch đào tạo toàn khóa của từng lớp, kế hoạch đào tạo năm học phối hợp với Khoa xây dựng tiến độ đào tạo học kỳ từng lớp, ban hành và thực hiện (2.2.03 - *Tiến độ giảng dạy học kỳ*). Trên cơ sở đó, phòng Đào tạo cùng với khoa xây dựng thời khóa biểu cho các lớp (2.2.04 - *Thời khóa biểu*).

Trên cơ sở Chương trình môn học, mô đun, trong mỗi bài học, số giờ học lý thuyết, giờ học thực hành, thực tập, kiểm tra được quy định cụ thể với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo, giáo viên lên kế hoạch chi tiết giảng dạy từng môn học, mô đun (2.2.05 - *Lịch trình giảng dạy môn học, mô đun*).

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, kế hoạch giảng dạy của giáo viên và thời khóa biểu, giáo viên thực hiện giảng dạy đảm bảo theo kế hoạch, tiến độ đào tạo đã phê duyệt (2.2.06 - *Sổ lên lớp năm học 2022– 2023, 2023-2024*; 2.2.07 - *Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2022– 2023, 2023-2024*; 2.2.08 - *Sổ tay giáo viên năm học 2022– 2023, 2023-2024*).

Việc triển khai hoạt động đào tạo, được sự kiểm tra giám sát của phòng Tổ chức (2.2.09 – *Biên bản thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo các năm học 2022– 2023, 2023-2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, toàn bộ các nội dung chuyên môn đều được xây dựng dưới dạng mô đun, tích hợp giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành. Do vậy trong hoạt động dạy và học, Khoa Công nghệ ô tô luôn chú trọng đổi mới các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của sinh viên (2.3.01 - Sổ lên lớp năm học 2022–2023, 2023-2024; 2.3.02 - Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2022– 2023, 2023-2024; 2.3.03 - Chương trình đào tạo/chương trình môn học, mô đun/Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học/mô đun).

Nhằm không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, ít nhất 2 lần/học kỳ, Khoa Công nghệ ô tô tổ chức sinh hoạt chuyên môn (2.3.06- Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn của Khoa Công nghệ ô tô năm học 2022– 2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để triển khai thực hiện tốt việc đào tạo theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, kế hoạch cho người học đi thực tập trải nghiệm ở doanh nghiệp. Nhà trường đã ký kết biên bản thoả thuận/hợp đồng với các đơn vị sử dụng lao động (2.4.01 - Thỏa thuận/Hợp đồng về chương trình hợp tác trải nghiệm công việc thực tế của sinh viên).

Học sinh học hệ trung cấp thường là các em có độ tuổi <18 do đó việc bố trí học sinh thực tập tại các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Khoa và nhà trường chưa bố trí được cho các em thực tập tại các doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Công tác tổ chức thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp cho học sinh và công tác công tác đánh giá kết quả học tập rèn luyện, cấp văn bằng chứng chỉ Nhà trường thực hiện đúng theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và theo Quy chế của Trường đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo nên trong thời gian qua không có trường hợp khiếu nại.

Công tác tổ chức coi thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, thống nhất cho các khóa, lớp và theo đúng quy chế. Thi kết thúc môn học và mô đun được Nhà trường tổ chức theo kỳ thi chính và kỳ thi phụ. Cuối mỗi môn học, mô đun, giáo viên bộ môn nhập công nghi và điểm thành phần vào phần mềm đào tạo, phần mềm đào tạo sẽ tự động tạo ra Biên bản coi, chấm thi. Trong Biên bản coi, chấm thi thể hiện học sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun theo quy chế (2.5.01 - *Biên bản coi, chấm thi*). Đối với môn thi lý thuyết, có hai giáo viên coi, hai giáo viên chấm độc lập và thống nhất điểm, vào điểm trên phần mềm theo số phách (2.5.02 - *Phiếu chấm bài thi*; 2.5.03 - *Bản đối chiếu số phách, số báo danh*; 2.5.04 - *Bản vào điểm*).

Sau khi HS tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo từng ngành nghề, trung bình chung tích lũy đạt ≥ 2.0 , Khoa lập danh sách HSSV đề nghị được xét tốt nghiệp gửi phòng Đào tạo để phòng Đào tạo làm thủ tục cho Hội đồng tốt nghiệp xét tốt nghiệp cho các HSSV đủ điều kiện. Hội đồng tốt nghiệp họp xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp (2.5.05 - *Quyết định thành lập Hội đồng tốt nghiệp*, 2.5.06 - *Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp*, 2.5.07 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp*, 2.5.08 - *Số cấp bằng*).

Căn cứ vào chương trình đào tạo, đề cương chi tiết từng môn học mô đun và quy chế đào tạo, giáo viên đánh giá kết quả học tập của môn học/mô đun với từng HSSV (2.5.09 - *Quy chế đào tạo trình độ trung cấp*; 2.5.10 - *Quy định chấm thi kết thúc môn học, mô đun*, 2.5.11- *Quy định tổ chức thi kết thúc môn học/mô đun*)

Căn cứ vào Quy chế học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại kèm theo Quyết định số 199/QĐ-CĐCN&TM-CTHSSV ngày 23 tháng 4 năm 2019, giáo viên chủ nhiệm, Khoa tổ chức thực hiện đánh giá đúng điểm rèn luyện

của HSSV theo Quy định chi tiết điểm đánh giá của từng tiêu chí trong điều 10, quy chế công tác học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại số 222/QĐ-CĐCN&TM-CTHSSV ngày 20/7/2020. Học sinh sinh viên, giáo viên chủ nhiệm và các khoa đánh giá điểm rèn luyện cho HSSV theo Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện (2.5.12 - Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; 2.5.13 - Phiếu tự đánh giá kết quả rèn luyện HSSV; 2.5.14 - Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện HSSV).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch đã ban hành. Công tác thanh, kiểm tra việc thực hiện giờ lên lớp của Giáo viên và Học sinh được thực hiện hàng ngày. Hàng tháng, Nhà trường đều có báo cáo tổng hợp về kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học (2.6.01 - Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp năm học 2022– 2023, 2023-2024, 2.6.02 - Báo cáo tổng hợp việc thực hiện quy chế đào tạo hàng tháng, 2.6.03 - Email Báo cáo tổng hợp việc thực hiện quy chế hàng tháng và Học kỳ).

Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng tháng, Học kỳ được Nhà trường gửi về Khoa/ Bộ môn. Trên cơ sở đó, Khoa/Bộ môn tổ chức họp để đánh giá, rút kinh nghiệm, trao đổi với đội ngũ cán bộ, giáo viên và HSSV của Khoa về những mặt còn tồn tại. Từ đó, đề xuất đội ngũ cán bộ, giáo viên và HSSV của Khoa thay đổi phương pháp dạy, học để nâng cao chất lượng (2.6.04 - Danh sách tổng hợp các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học đã được đề xuất).

Kết quả kiểm tra, giám sát hàng năm được sử dụng để điều chỉnh các hoạt động dạy và học được thể hiện trong mục 5 “tăng cường công tác quản lý đào tạo và nâng cao chất lượng công tác phục vụ” trong cuốn nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện và kế hoạch công tác năm học (2.6.05 - Nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện và kế hoạch công tác các năm học)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao

động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về đào tạo liên thông (2.7.01 - Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông).

Việc tổ chức đào tạo liên thông giữa các cấp trình độ đào tạo được nhà trường thực hiện đúng theo Quy định về tổ chức đào tạo liên thông.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 0 điểm

2.2.3 TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường nói chung cũng như của Khoa Công nghệ ô tô nói riêng, luôn xác định: xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trong những năm qua Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của Khoa; đáp ứng theo chuẩn quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH. Thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm; cử 100% giáo viên cố hữu của khoa đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng, các lớp tập huấn ở trong và ngoài nước. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý Nhà trường có tuổi đời bình quân trẻ, có năng lực tốt, đảm bảo tính kế thừa và phát triển của các đơn vị phòng, khoa, trung tâm cũng như nhà trường.

** Những điểm mạnh:*

Khoa Công nghệ ô tô có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý có đủ về số lượng và đáp ứng tốt các yêu cầu về giáo dục nghề nghiệp; đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm làm việc có hiệu quả, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động.

100% giáo viên, cán bộ quản lý của Khoa có trình độ, năng lực tốt hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy được Nhà trường và của khoa giao.

** Những tồn tại: Không có*

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên dạy nghề và cán bộ quản lý.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
-----------------------------	-------------------------

Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Toàn bộ đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Trung cấp đều là giáo viên cơ hữu của Nhà trường. 100% giáo viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ Trung cấp đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH (3.1.01-Biên bản rà soát về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp các năm 2023; 2024, 3.1.02 - Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ ô tô năm 2023; 2024; 3.1.03 - Hồ sơ giáo viên giảng dạy nghề Công nghệ ô tô năm 2023; 2024).

Hàng năm, Nhà trường triển khai đánh giá và phân loại nhà giáo của Khoa theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH; Nghị định 90/2020/NĐ – CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ. (3.1.04 - Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo năm học 2023 – 2024; 3.1.05 - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo năm học 2023 – 2024; 2023 - 2024).

Hàng năm, nhà giáo và cán bộ quản lý đều có ý kiến với nhà trường thông qua việc đề xuất nhu cầu học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ gửi đến phòng Tổ chức - Hành chính (3.1.06 – Kế hoạch đề xuất của đơn vị về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo năm 2022; 2023; 3.1.07 – Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo của các đơn vị năm 2022; 2023).

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về mức độ phù hợp của công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo tham gia giảng dạy (3.1.08 - Kế hoạch khảo sát năm 2023; 2024; 3.1.09 - Bộ phiếu

khảo sát 2023; 2024; 3.1.10 - Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2022; 2023; 3.1.11 - Danh sách các đối tượng tham gia khảo sát năm 2023; 2024; 3.1.12 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2023; 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH đã xây dựng quy định chế độ làm việc nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại (3.2.01 - Quy định chế độ làm việc nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại).

Hàng năm, 100% giáo viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ ô tô đều được Hội đồng thi đua nhà trường đánh giá và công nhận hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao (3.1.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ ô tô năm 2022, 2023; 3.1.02 - Hồ sơ giáo viên giảng dạy nghề Công nghệ ô tô năm 2023; 2024; 3.2.02 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm học 2022-2023, 2023 – 2024).

Hàng năm, Nhà trường triển khai đánh giá và phân loại đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý, nhà giáo được thực hiện theo hướng dẫn Luật Công chức, Luật Viên chức, pháp luật lao động bằng các phiếu đánh giá (3.2.03 - Phiếu đánh giá cán bộ viên chức và người lao động năm học học 2022-2023, 2023 – 2024). Kết quả đánh giá được thể hiện ở quyết định công nhận phân loại viên chức hàng năm (3.2.04 -Quyết định công nhận phân loại viên chức hàng năm 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ chương trình đào tạo và danh sách lớp trung cấp nghề Công nghệ ô tô, Phòng đào tạo và Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo và được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện công tác giảng dạy. Khoa xây dựng kế hoạch giáo viên (bao gồm giờ giảng được phân công và các nhiệm vụ khác của giáo

viên), lịch giảng dạy chi tiết đến từng môn học, mô-đun đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp có đủ nhà giáo đứng lớp (3.1.01 - *Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ ô tô năm 2023, 2024*), tỉ lệ số sinh viên/lớp cao nhất trong các năm là 43 sinh viên/lớp (1.1.10 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2023,2024*; 3.3.01– *Quyết định thành lập lớp TC ngành Công nghệ ô tô năm 2023, 2024*; 2.2.03 - *Tiến độ giảng dạy học kỳ*; 2.2.02 - *Kế hoạch đào tạo hệ trung cấp nghề Công nghệ ô tô năm học học 2022-2023, 2023 – 2024*).

Trong những năm qua, cùng với việc ổn định số lượng HSSV tuyển mới hàng năm thì Nhà trường luôn quan tâm đến việc phát triển đội ngũ giáo viên cả về số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng các mục tiêu đào tạo. Chính vì vậy, Nhà trường luôn đảm bảo tỷ lệ học sinh/giáo viên đúng quy định đối với nghề Công nghệ ô tô theo điểm 2d/điều 14/mục 1/chương 3/Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN (3.3.02 – *Bảng tính học sinh, sinh viên quy đổi nghề Công nghệ ô tô*; 3.3.03 – *Bảng tính giáo viên quy đổi nghề Công nghệ ô tô*), cụ thể:

- Năm 2023, số lượng HS là 36, số lượng giáo viên là: 4 đạt tỷ lệ 9 HSSV/01GV

- Năm 2024, số lượng HS là 70, số lượng giáo viên là: 4 đạt tỷ lệ 17,5 HSSV/01GV.

Đầu mỗi năm học trên cơ sở xây dựng kế hoạch và phân công giảng dạy cụ thể cho từng môn, từng học kỳ, Khoa sẽ dự kiến tổng số giờ giảng dạy của từng GV cho từng lớp. Việc phân công được thực hiện quy định của Trường trên tinh thần cân đối về số giờ giảng của từng GV, hài hòa giữa các bộ môn, đảm bảo GV không giảng dạy vượt quá mức quy định. Cuối năm, các Khoa sẽ thống kê tổng số giờ giảng dạy của giảng viên và các hoạt động khác (bao gồm cả GV thỉnh giảng) làm căn cứ để xét thi đua hoặc phối hợp với Phòng Đào tạo và Phòng Tài vụ thanh toán cho các trường hợp GV giảng dạy vượt giờ chuẩn theo định mức cho phép. (3.3.04 - *Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo các năm 2023, 2024*)

Các khoản thanh toán vượt giờ được Nhà trường cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với hoạt động đào tạo thực tế của trường và thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất trong toàn đơn vị. (3.3.05 - *Bảng thanh toán lương, thanh toán vượt giờ các năm 2023, 2024*)

Hoạt động thanh, kiểm tra, giám sát các hoạt động giảng dạy được Nhà trường thực hiện thường xuyên, liên tục từ đó Khoa có kế hoạch và thực hiện tự theo dõi, kiểm tra hoạt động giảng dạy hàng tháng (1.3.06 - Kế hoạch thanh tra, dự giờ hàng tháng của phòng Tổ chức năm học 2022 – 2023, 2023-2024; 2.6.02- Báo cáo tổng hợp về việc kiểm tra tài liệu giảng dạy và công tác chấm thi theo từng học kỳ của các năm học 2022 – 2023, 2023-2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là 2 nhiệm vụ cơ bản của giáo viên Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại. Dưới sự chỉ đạo của BGH Nhà trường, hoạt động NCKH đã góp phần nâng cao năng lực giảng dạy, tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và người học. Trong những năm gần đây, công tác NCKH của trường ngày càng được chú trọng, trong đó trên 50% giáo viên giảng dạy các môn chuyên môn của nghề Công nghệ ô tô tham gia nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm. Hàng năm, phòng Khoa học công nghệ -Đối ngoại được Nhà trường giao nhiệm vụ lập kế hoạch NCKH và gửi thông báo đến các đơn vị trong Trường. Khoa triển khai kế hoạch, thông báo đến giáo viên để giáo viên đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm và gửi danh sách lên phòng KHCN và Đối ngoại (3.4.01 – Thông báo về kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học năm học 2023, 2024; 3.4.02 - Danh sách giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề Công nghệ ô tô tham gia nghiên cứu khoa học năm 2022, 2023), Nhà trường thành lập hội đồng xét duyệt đề tài (3.4.03 – Hội đồng xét duyệt đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường năm 2023, 2024). Sau khi được Hội đồng xét duyệt, giáo viên bắt đầu lập kế hoạch và thực hiện nghiên cứu đề tài (3.4.04 - Quyết định công nhận kết quả đề tài nghiên cứu khoa học).

Hàng năm, giáo viên giảng dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp tích cực tham gia hội giảng cấp Khoa để lựa chọn giáo viên tham gia hội giảng cấp Trường và các cấp trên (3.4.07 - Kế hoạch hội giảng, danh sách giáo viên và tên bài giảng hội giảng cấp khoa năm học 2023 – 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo (3.5.01 - Kế hoạch bồi dưỡng viên chức các năm 2023, 2024); Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường, Khoa lập danh sách các nhà giáo phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế để Nhà trường ra quyết định cử giáo viên tham gia học tập, bồi dưỡng (3.5.02 - Công văn, quyết định cử nhà giáo đi học).

Việc xây dựng Kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, viên chức để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được Nhà trường hết sức chú trọng. Nhà trường triển khai với nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng: tập huấn, bồi dưỡng tại trường, hợp đồng liên kết bồi dưỡng tiếng anh trình độ TOEIC; tin học; kỹ năng nghề quốc gia... (3.5.03 - Báo cáo, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học các năm 2023, 2024)

Nhà trường có quy định chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy tại Quy chế chi tiêu nội bộ (1.3.02 - Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào điểm 4c/Điều 4/Chương 2/Thông tư 07/2017/TT – BLĐTBXH, hàng năm Nhà trường lập kế hoạch cử nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại doanh nghiệp với thời gian là 4 tuần (3.6.01 - Kế hoạch cử giáo viên đi thực tập tại doanh nghiệp).

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo của Nhà trường, tiến độ thực hiện theo năm học, kỳ học, phân công môn học, mô-đun giảng dạy cho nhà giáo, Khoa lập danh sách đề xuất để Nhà trường ra quyết định cử giáo viên đi thực tập tại doanh nghiệp.

Trong các năm 2023, 2024, 100% nhà giáo đi học tập trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để bổ sung kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và giảng dạy (3.6.02 -Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo, văn bằng,

chứng chỉ; 3.6.03 - Công văn, *Quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp*). Các nhà giáo sau khi đi thực tập trải nghiệm tại các doanh nghiệp đều có báo cáo kết quả với Nhà trường (3.6.04 - *Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của nhà giáo*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào mục 3 Thông tư 08/2017/TT BLĐ TBXH quy định chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo dạy trình độ Trung cấp, 100% các bộ quản lý Khoa đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Khoa gồm 01 đồng chí Phó Trưởng khoa, phụ trách khoa và 1 đồng chí quản lý cấp tổ chuyên môn (3.7.01- *Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý năm 2023, 2024; 3.7.02 - Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý*). 100% cán bộ cấp tổ và Khoa đều là Thạc sĩ, có chứng chỉ nghề quốc gia bậc 3 và có nhiều năm kinh nghiệm trong giảng dạy cũng như hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp và những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy (3.7.03 - *Hồ sơ cán bộ của Trưởng/Phó các đơn vị*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường nhận xét, đánh giá cán bộ việc thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ theo Luật Công chức, Luật Viên chức, pháp luật lao động (3.2.03 - *Phiếu đánh giá cán bộ viên chức và người lao động năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024; 3.2.04- Quyết định công nhận phân loại viên chức hàng năm 2023, 2024*). 100% cán bộ quản lý Khoa và tổ chuyên môn đều hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà trường và Khoa giao, nhiều năm liền được Hội đồng thi đua khen thưởng Nhà trường khen thưởng và được tặng bằng khen cấp trên (3.2.02 - *Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024; 3.8.01 - Báo cáo tổng kết của Nhà trường năm học 2022 - 2023, 2023 – 2024*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4. TIÊU CHÍ 4: *Chương trình, giáo trình*

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Khoa Công nghệ ô tô được Nhà trường phê duyệt, ban hành, đảm bảo theo chương trình dạy nghề và được xây dựng, điều chỉnh trên cơ sở quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Song song với việc xây dựng, điều chỉnh, phát triển chương trình đào tạo, Nhà trường đã triển khai kế hoạch biên soạn hoặc lựa chọn giáo trình, bài giảng các môn học, mô đun, tổ chức thẩm định toàn bộ các giáo trình môn học, mô đun do giáo viên Khoa biên soạn. Các giáo trình, bài giảng và tài liệu giảng dạy hiện có đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Chương trình, giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Trung cấp được xây dựng, biên soạn, lựa chọn, thẩm định có sự tham gia của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của Trường, cán bộ từ các doanh nghiệp, cán bộ từ các cơ quan quản lý Nhà nước và được thực hiện theo đúng quy định.

** Những điểm mạnh:*

- Các bộ chương trình, giáo trình nghề Công nghệ ô tô của Nhà trường đáp ứng tốt các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của trình độ đào tạo, được thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và của thị trường lao động.

- Trường có kinh nghiệm trong việc biên soạn chương trình, giáo trình. Chương trình đào tạo có sự tham gia biên soạn, chỉnh sửa và đóng góp ý kiến của toàn thể các giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các khoa chuyên môn, các cán bộ, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo và chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Định kỳ hàng năm Nhà trường đều tổ chức khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình và chương trình đào tạo, qua đó để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động.

- Nhà trường luôn quan tâm đến việc cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong các giáo trình và tài liệu giảng dạy cần đạt được trong chương trình dạy nghề, nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và đổi mới phương pháp dạy học.

** Những tồn tại*

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát lấy ý kiến của cựu học sinh, sinh viên và người sử dụng lao động về chương trình, giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô còn chưa nhiều.

** Kế hoạch:*

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện chương trình, giáo trình nghề Công nghệ ô tô hiện đang đào tạo theo chu kỳ 3 năm.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại.

- Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của cựu HSSV và Doanh nghiệp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình, giáo trình.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2017, nhằm thực hiện chuyển đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề cũ sang giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư 03/2017/TT – BLĐT BXH ngày 1/3/2017, Nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh và ban hành đối với 100% các chương trình đào tạo được cấp phép đào tạo, trong đó có chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô (4.1.01 - *Kế hoạch xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo của trường năm 2021 - 2022*).

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng theo đúng quy định. Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn chương trình (4.1.02 - *Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa, xây dựng chương trình đào tạo các ngành, nghề*), dựa trên mục tiêu của chương trình, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp, Ban chủ nhiệm biên soạn thiết kế cấu trúc chương trình đào tạo, xác định danh mục các môn học, mô đun, thời gian và phân bố thời gian thực hiện chương trình đào tạo. Để đảm bảo phù hợp với trình tự của logic nhận thức, logic sư phạm, Ban chủ nhiệm lập sơ đồ quan hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun. Đồng thời để đảm bảo nội dung chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ, Ban chủ nhiệm tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên,

cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo (4.1.03 - Biên bản họp khoa về việc cập nhật CTĐT năm 2022, 2023; 4.1.04 – Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý năm 2022, 2023; 4.1.05 - Báo cáo tổng hợp, phân tích ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý năm 2022, 2023).

Sau khi Ban chủ nhiệm biên soạn xây dựng xong chương trình đào tạo, Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp để nhận xét, đánh giá về chất lượng chương trình và đề nghị Hiệu trưởng xem xét, quyết định ban hành (1.1.08 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định (Hội đồng chuyên môn đánh giá) chương trình đào tạo trình độ Trung cấp; 1.1.09 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022 - 2023; 1.1.10 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ TC các năm 2021 - 2022; 4.1.06 - Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định; 4.1.07 - Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng thẩm định năm học 2023, 2024).

Để phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, định kỳ 3 năm một lần, Trường có kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Theo kế hoạch, Khoa tiến hành các buổi họp chuyên môn với sự tham gia của tất cả GV chuyên môn và các chuyên gia, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhằm góp ý về chương trình đào tạo (4.1.03 - Biên bản họp khoa về việc cập nhật CTĐT năm 2022 - 2023; 4.1.04 - Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý về chương trình đào tạo năm 2021 - 2022). Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, khoa tiến hành điều chỉnh và bổ sung các nội dung mới vào chương trình đào tạo nhằm đáp ứng với nhu cầu thực tiễn của xã hội (2.2.01 – Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2023 - 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nội dung chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. Nhà trường đã thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô

và ban thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô (1.1.08 - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các ngành, nghề; 1.1.10 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ TC các năm 2021 - 2022). Trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo Nhà trường mời 02 đơn vị sử dụng lao động tham gia (4.2.01 - Biên bản thoả thuận hợp tác), kết quả của quá trình xây dựng và thẩm định được thể hiện qua phiếu nhận xét của các thành viên tham gia Ban xây dựng chương trình đào tạo và trong Hội đồng thẩm định (4.1.04 - Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý về chương trình đào tạo năm 2021 - 2022; 4.1.06 - Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định; 2.2.01 – Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào điểm 2/Điều 5/Chương 2/Thông tư số 12/2017/TT – BLĐ TBXH, Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra do Nhà trường xây dựng và ban hành, đảm bảo yêu cầu người học có năng lực thực hiện được công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của ngành, nghề đào tạo; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc (4.3.01 - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra trình độ Trung cấp nghề Công nghệ ô tô 2022, 2023; 1.1.10 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ TC năm 2021 - 2022; 2.2.01 – Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022).

Quá trình xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trong các năm 2021 - 2022 đều có sự tham gia ý kiến của chuyên gia, doanh nghiệp và cựu học sinh, sinh viên về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (4.3.02 – Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp và cựu HSSV về mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022; 4.3.03 – Báo cáo tổng hợp, phân tích ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp, cựu HSSV và đề xuất chuẩn đầu ra đối với nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Điều 5/Chương II/Thông tư 03/2017/TT – BLĐ TBXH, Ban xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô phân bổ thời gian chương trình đào tạo hệ Cao đẳng nghề Công nghệ ô tô theo tích lũy tín chỉ, đồng thời xây dựng cây tiến trình thể hiện trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp (1.1.10 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ TC năm 2021 - 2022*).

Theo điểm 1b/Điều 5/Chương II/Thông tư 03/2017/TT – BLĐ TBXH, Ban xây dựng chương trình tổ chức hội thảo tiếp thu ý kiến đóng góp của các nhà giáo có chuyên môn liên quan đến môn học mô-đun, các doanh nghiệp sử dụng lao động, cán bộ quản lý về phân bổ thời gian cho từng môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô (4.1.05 - *Báo cáo tổng hợp, phân tích ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý năm 2022, 2023; 1.1.09 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2021 - 2022; 4.1.06 - Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định*).

Theo điểm 2đ/Điều 5/Chương II/Thông tư 03/2017/TT – BLĐ TBXH, sau khi phân bổ thời gian phù hợp đối với từng môn học, mô-đun, Ban chủ nhiệm cũng xin ý kiến của các chuyên gia và xây dựng cây tiến trình cho chương trình đào tạo đảm bảo logic nhận thức, logic sư phạm (4.4.01 – *Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022; 4.4.02 – điểm 3. Nội dung chương trình/Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022; 2.2.01 - Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo điểm 7/Điều 3/Chương II/Thông tư 03/2017/ TT –BLĐ TBXH, quy định những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đảm bảo yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên (2.2.01 - *Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022*).

Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đều có sự tham gia ý kiến của các cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia/doanh nghiệp về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên khi thực hiện chương trình đào tạo (1.1.08 - *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô hệ TC*; 1.1.09 - *Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường năm 2021 - 2022*).

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường đều thực hiện lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và HSSV về các điều kiện đảm bảo chất lượng cho triển khai chương trình đào tạo (4.1.04 - *Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý về chương trình đào tạo năm 2021 - 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo quy định trong điểm 8/Điều 3/Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và căn cứ vào điều 12/Thông tư 09/2017/TT – BLĐ TBXH, Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, trình độ *trung cấp* do Trường xây dựng thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (2.2.01 - *Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022*).

Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đều có sự tham gia ý kiến của đều có sự tham gia ý kiến của các cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia/doanh nghiệp về phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (1.1.08 - *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô hệ TC*; 1.1.09 - *Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình*

đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022; 4.1.06 - Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định).

Hàng năm, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, HSSV và cán bộ khoa học kỹ thuật có sử dụng lao động về phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (4.1.04 - Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý về chương trình đào tạo năm 2021 - 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công nghệ ô tô được xác định là một trong các nghề đào tạo mũi nhọn của nhà Trường theo xu thế phát triển của khoa học, kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực của địa phương và đất nước. Vì vậy, Nhà trường xác định điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo là nhiệm vụ quan trọng nhằm từng bước đưa chương trình dạy nghề sát với thực tế sản xuất của doanh nghiệp và cập nhật các tiến bộ khoa học công nghệ vào giảng dạy đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ (4.3.01 - Quyết định ban hành chuẩn đầu ra trình độ TC nghề Công nghệ ô tô 2022, 2023; 2.2.01 - Chương trình đào tạo hệ TC Nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022).

Một số cán bộ, giáo viên của Nhà trường tham gia các khoá tập huấn chuyên giao công nghệ ở trong và ngoài nước để kịp thời cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến bổ sung, điều chỉnh có chọn lọc vào các mô-đun, môn học phục vụ công tác giảng dạy (4.7.01 - Quyết định, Danh sách cán bộ, giáo viên được cử tham gia các khóa tập huấn chuyên giao công nghệ trong và ngoài nước).

Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trong các năm 2021 - 2022 đều có sự tham gia ý kiến của các đối tượng liên quan về sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tế phát triển của nghề (1.1.08 - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô hệ TC; 1.1.09 -

Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022; 4.1.06 - Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định)

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường đều thực hiện lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và HSSV tốt nghiệp và cán bộ khoa học kỹ thuật có sử dụng lao động về sự phù hợp của chương trình đào tạo với yêu cầu phát triển của nghề (4.1.04 - Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý về chương trình đào tạo năm 2021 - 2022; 4.3.02 - Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp và cựu HSSV về mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra nghề Công nghệ ô tô 2022, 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng và thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo khác nhau nhằm đảm bảo được cho người học có cơ hội học tập tiếp từ trung cấp lên cao đẳng, nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, bằng cách ghi nhận từ phiếu đánh giá CTĐT, Nhà trường tiến hành phân tích và tiếp thu ý kiến của các chuyên gia để đưa vào nội dung chương trình (1.1.10 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ TC các năm 2021 - 2022; 4.8.01 - Chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô; 4.1.04 - Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý về chương trình đào tạo năm 2021 - 2022)

Nhà trường đã liên kết với trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hà Nội về việc liên thông và chương trình liên thông từ cao đẳng lên đại học tương ứng (4.8.02 – Biên bản thỏa thuận về việc công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi liên thông trình độ Đại học; 4.8.03 – Chương trình đào tạo trình độ Đại học liên thông từ Cao đẳng lên Đại học chuyên ngành Công nghệ ô tô)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Nhà trường có bổ sung giáo trình đào tạo, tăng số lượng học liệu tham khảo chuyên ngành cho học sinh, sinh viên là một trong những mục tiêu trọng điểm của trường. Tuy nhiên, do mới chuyển đổi Chương trình đào tạo từ Luật Dạy nghề sang Luật Giáo dục nghề nghiệp vào giữa năm 2017 nên ban đầu, giáo trình và tài liệu tham khảo của nghề Công nghệ ô tô chủ yếu là của Tổng cục dạy nghề ban hành. Để đáp ứng với sự thay đổi của chương trình đào tạo, định kỳ hàng năm, trước khi vào đầu năm học, Tổ thư viện nhà trường rà soát bài giảng, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo năm học, thông báo cho các Khoa bổ sung cho phù hợp với chương trình đào tạo, cấp phát cho các em học sinh, sinh viên sử dụng trong quá trình học tập (1.1.10 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ TC các năm 2021 - 2022; 4.9.01 - Danh mục giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô; 4.9.02 – Bộ giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô).

Nhà trường đảm bảo các môn học, mô đun các nghề đang đào tạo đều có đủ giáo trình, tài liệu học tập. Các giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập của trường hàng năm đều được bổ sung cho phù hợp (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 109,109a,109b,109c/2018/ GCNĐKHKHĐ-TCGDNN; 2.2.01 – Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% giáo trình nghề Công nghệ ô tô được lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Công tác lựa chọn giáo trình được thực hiện theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp. Căn cứ vào các ngành nghề được cấp phép đào tạo, Nhà trường lựa chọn giáo trình đưa vào làm tài liệu giảng dạy học tập của các ngành nghề trong trường (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 109,109a,109b,109c/2018/ GCNĐKHKHĐ-TCGDNN). Trước khi đưa vào sử dụng, Nhà trường có thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình (4.10.01 - Quyết định thành lập các tiểu ban lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô) để họp nhận xét, đánh giá về giáo trình đào tạo (4.10.02 - Phiếu nhận xét về giáo

trình; 4.10.03 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình nghề Công nghệ ô tô). Trên cơ sở Biên bản họp của Hội đồng thẩm định giáo trình, Hội đồng thẩm định đề nghị Hiệu trưởng phê duyệt danh mục giáo trình đưa vào sử dụng (4.10.04 - Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành giáo trình đào tạo; 4.9.01 - Danh mục giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô; 4.9.02 - Bộ giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô).

Khi có sự thay đổi về Chương trình đào tạo, Nhà trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đổi với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Năm 2017, Chương trình đào tạo phải điều chỉnh từ Luật Dạy nghề sang Luật Giáo dục nghề nghiệp, giáo trình giảng dạy của Khoa chủ yếu là của Tổng cục dạy nghề ban hành, Nhà trường đã thẩm định và đưa vào sử dụng để giảng dạy. Năm 2021 - 2022, toàn bộ giáo trình của các ngành nghề đều được rà soát, bổ sung theo chương trình đào tạo mới ban hành (4.10.05 - Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% giáo trình của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được lựa chọn đều đảm bảo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo phục vụ tốt cho quá trình đào tạo.

Công tác biên soạn, lựa chọn giáo trình đưa vào giảng dạy được thực hiện theo Thông tư 03/2017/TT- BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp (2.2.01 - Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022; 4.9.01 - Danh mục giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô; 4.9.02 - Bộ giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô). Trong quá trình thẩm định giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, Hội đồng thẩm định đã đọc, nghiên cứu kỹ về tính chính xác của nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ và phải bám sát chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định đưa ra đánh giá về mức độ đáp ứng được mục tiêu đào tạo về nội dung kiến thức, kỹ năng và thái độ trong chương trình đào tạo.

100% giáo trình của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được lựa chọn có nội dung phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Để người học có thể nhanh chóng hoà nhập thực tế sản xuất, có năng lực đáp ứng với các tiêu chuẩn của doanh nghiệp, rút ngắn thời gian đào tạo... Nhà trường đã đào tạo theo phương pháp tiếp cận năng lực thực hiện hay còn gọi là phương pháp dạy học tích hợp. Để giảng dạy được tích hợp, chương trình đào tạo phải phù hợp; giáo trình phải bám sát chương trình đào tạo. Vì vậy trong quá trình thẩm định, nghiệm thu giáo trình, Trường rất chú trọng đến tiêu chí năng lực thực hiện từng kỹ năng hay tiêu chí năng lực. Điều này rất thuận lợi cho giáo viên áp dụng các phương pháp tích cực trong giảng dạy (4.10.02. *Phiếu nhận xét về giáo trình*; 4.10.03 -*Biên bản họp Hội đồng thẩm định bộ giáo trình nghề Công nghệ ô tô*; 4.10.04. *Quyết định phê duyệt giáo trình đưa vào sử dụng*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 12: *Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã ban hành, các giáo trình các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được lựa chọn có nội dung đảm bảo phù hợp với công nghệ trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện nay (2.2.01 - *Chương trình đào tạo hệ trung cấp Nghề Công nghệ ô tô năm 2021 - 2022*; 4.10.03 - *Biên bản họp Hội đồng thẩm định bộ giáo trình nghề Công nghệ ô tô*; 4.10.04. *Quyết định phê duyệt giáo trình đưa vào sử dụng*).

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cựu HSSV, doanh nghiệp về sự phù hợp của giáo trình đào tạo của nhà trường với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ (4.10.02 - *Phiếu nhận xét về giáo trình*).

Trên cơ sở kết quả khảo sát. Nhà trường đã có các thông tin cần thiết nhằm kịp thời điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp đặc thù yêu cầu thị trường lao động và được lãnh đạo Nhà trường triển khai chỉ đạo cho các phòng, khoa xây dựng kế hoạch điều chỉnh chương trình và cập nhật giáo trình.

2.2.5 TIÊU CHÍ 5: *Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện*

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Nghề Công nghệ ô tô có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và HSSV.

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư trang thiết bị của nghề để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học đúng chủng loại, hiện đại, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khoẻ cho người vận hành, đáp ứng và phù hợp với nghề đào tạo.

Khoa có đủ hệ thống kho đảm bảo yêu cầu lưu trữ vật tư, dụng cụ thực hành.

Thư viện nhà trường có đầy đủ chương trình, giáo trình trang thiết bị và tài liệu phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và người học, được trang bị phòng đọc Internet.

** Những điểm mạnh:*

Nghề Công nghệ ô tô có đủ hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học chuyên môn hoá đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Tất cả các máy móc, thiết bị của nghề đều đúng chủng loại, có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khoẻ cho người vận hành, phù hợp với các nghề trường đang đào tạo; đảm bảo đủ tỷ lệ thiết bị/người học, có phân công phụ trách quản lý thiết bị, vật tư, các thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, có các quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, hàng năm có đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

** Những tồn tại:*

Phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế mới chỉ áp dụng được một số môn đụn, môn học.

Thư viện của Nhà trường chưa đảm bảo 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Hệ thống máy tính của thư viện không hoạt động được dẫn đến việc tra cứu, tham khảo tài liệu trên internet còn hạn chế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Tiếp tục đầu tư xây dựng phần mềm ảo mô phỏng cho các mô đụn, môn học của nghề Công nghệ ô tô.

Thực hiện số hóa các chương trình, giáo trình và tích hợp với thư viện điện tử.

Lập kế hoạch khắc phục hệ thống máy tính.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào mục 1/Phụ lục/Thông tư 38/2018/TT – BLĐ TBXH quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật; phòng chuẩn bị giảng dạy; phòng hội đồng; phòng nghỉ cho nhà giáo ở mỗi tầng của khu nhà học, Khoa Công nghệ ô tô có đủ hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học chuyên môn hoá cho tất cả các nghề, đảm bảo theo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. Trong đó nghề Công nghệ ô tô có 7 phòng/xưởng tính cả phòng xưởng dùng chung: 05 xưởng thực hành, 02 phòng thực hành chuyên môn hóa và phòng học lý thuyết, diện tích các phòng từ 60 m² trở lên, phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng theo quy chuẩn xây dựng (5.1.01 - Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 7 tầng; 5.1.02 - Danh sách các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của Khoa Công nghệ ô tô).

Các phòng, xưởng thực hành, đang được chuyên môn hóa đáp ứng nhu cầu học tập của nghề để khi HSSV ra trường đáp ứng và cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong nước, các trang thiết bị công nghệ của nghề phù hợp với yêu cầu đào tạo (5.1.03 - Sổ quản lý tài sản cố định của Khoa năm 2023, 2024).

Nhà trường có quy chế sử dụng, quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các công trình. Trong đó phân công cụ thể cho khoa chịu trách nhiệm sử dụng, quản lý từng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn (5.1.04 - Quy định về quản lý sử dụng tài sản). Cuối năm, Nhà trường có kiểm tra, đánh giá tình hình công tác quản lý, bảo dưỡng cơ sở vật chất, sau đó có báo cáo kết quả và đề xuất các nội dung sửa chữa (5.1.05 - Báo cáo tổng kết công tác quản lý và sử dụng thiết bị 2023,2024).

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ ô tô về phòng học, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo (5.1.06 - Biên bản đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị; 5.1.7 – Phiếu khảo sát về sự đáp ứng yêu cầu đào tạo của phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ chủng loại trang thiết bị đào tạo nghề Công nghệ ô tô và luôn được đổi mới phù hợp với chương trình đào tạo của nghề. Các thiết bị đều có chất lượng cao và đa dạng, đáp ứng được nhu cầu đào tạo của các nghề. Tất cả thiết bị đào tạo của nghề đều được theo dõi trên sổ sách quản lý (5.1.04 - Sổ quản lý TSCĐ của khoa năm 2022, 2023). Căn cứ số lượng trang thiết bị, dụng cụ hiện có của nghề đào tạo và đối chiếu với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo thiết bị của nghề Công nghệ ô tô đảm bảo đủ chủng loại đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo của nghề (5.2.01 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trong chương trình đào tạo; 5.2.02- Biên bản giao nhận vật tư giảng dạy).

Cuối mỗi năm, Nhà trường đều thực hiện kiểm kê tài sản của khoa và có báo cáo kiểm kê tài sản cố định (5.2.03 - Biên bản kiểm kê TSCĐ của khoa năm 2023,2024; 5.2.04 - Báo cáo kiểm kê TSCĐ năm 2023,2024).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ ô tô về trang thiết bị đào tạo (5.2.05 – Phiếu khảo sát sự đáp ứng của trang thiết bị đào tạo với từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo các danh mục thiết bị của nghề đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, căn cứ số lượng trang thiết bị, dụng cụ hiện có của nghề đào tạo và đối chiếu với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo, nghề Công nghệ ô tô có trang thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô đào tạo, tất cả thiết bị đào tạo đều được theo dõi trên sổ sách quản lý (5.1.04 - *Sổ quản lý tài sản cố định của Khoa năm 2022, 2023*; 5.2.01 - *Bảng đối chiếu danh mục thiết bị hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trong chương trình đào tạo*).

Với quy mô đào tạo hiện tại, số lượng thiết bị đào tạo chưa đáp ứng đủ được quy mô, yêu cầu đào tạo

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phòng học chuyên môn của Khoa nói chung và của nghề Công nghệ ô tô nói riêng, các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm (5.4.01 - *Hình ảnh bố trí xưởng thực hành*), tất cả các xưởng thực hành đều được trong bị các dụng cụ vệ sinh, các bình chữa cháy để đảm bảo yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường (5.4.02 - *Hình ảnh bố trí vị trí đặt dụng cụ vệ sinh, bình chữa cháy*). Bên cạnh đó, để đảm bảo an toàn HSSV, giáo viên và thiết bị khi học các mô đun thực hành, tại các xưởng đều bố trí, lắp đặt hệ thống nối đất và thiết bị bảo vệ (5.4.03 - *Sơ đồ bố trí thiết bị bảo vệ tại các xưởng thực hành*; 5.4.04 - *Sơ đồ đi dây hệ thống nối đất tại các phòng thực hành*).

Để rèn luyện ý thức của HSSV trong việc sử dụng, bố trí thiết bị hợp lý để đảm bảo an toàn và có môi trường học tập sạch sẽ, hằng ngày, sau mỗi buổi học thực hành giáo viên đều cho HSSV thực hiện 5S và trước khi vào giảng dạy mô đun thực hành,

giáo viên phát cho HSSV sổ tay an toàn lao động và hướng dẫn các quy định với phòng thực hành (5.4.05 - Tiêu chí 5S; 5.4.06 - Sổ tay an toàn lao động; 5.4.07 – Bảng nội quy). Để giám sát việc thực hiện 5S, định kỳ hàng tháng Nhà trường có tổ chức kiểm tra 5S tất cả các phòng học chuyên môn của Khoa(5.4.08 - Biên bản kiểm tra 5S)

Tất cả các thiết bị đào tạo nghề Công nghệ ô tô được Nhà trường cấp, phát đều có hồ sơ quản lý rõ ràng (5.1.04 - Sổ quản lý tài sản cố định của Khoa năm 2023,2024), được sử dụng đúng công năng (5.4.09– Điểm 2.Trang thiết bị máy móc/IV- Điều kiện thực hiện môn học/Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;5.1.08 - Báo cáo tổng kết công tác quản lý và sử dụng thiết bị năm 2023,2024) và được quản lý, bảo dưỡng theo định kỳ (5.4.10 - Quy trình về bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị; 5.1.09 - Biên bản đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, nhà giáo giảng dạy, cán bộ quản lý nghề Công nghệ ô tô về thiết bị, dụng cụ trong công tác đào tạo của nghề(5.2.06 - Phiếu khảo sát sự đáp ứng của trang thiết bị đào tạo với từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo Khoa lập dự toán vật tư cho từng học kỳ thông qua phòng Đào tạo, phòng Quản trị Thiết bị, Hiệu trưởng ký duyệt, phòng Quản trị thiết bị thực hiện mua sắm vật tư theo đúng quy định của Nhà nước(5.5.01 - Kế hoạch kèm theo dự trù mua sắm vật tư học tập năm 2023,2024), sau đó các vật tư được nhập về Khoa quản lý, lưu trữ bảo quản tại các kho, các thiết bị vật tư được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện (5.5.02 – Hình ảnh bố trí thiết bị, vật tư tại các kho lưu trữ) và được quản lý, cấp phát và sử dụng theo quy định(5.4.09 – Điểm 2. Trang thiết bị máy móc/IV- Điều kiện thực hiện môn học/Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô;2.2.02 - Tiến độ giảng dạy học kỳ;5.1.04 - Sổ quản lý tài sản cố định của Khoa năm 2023,2024; 5.2.02 - Biên bản giao nhận vật tư giảng dạy).

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng của Khoa, phòng Quản trị Thiết bị phối hợp với Khoa xác nhận vật tư đã qua sử dụng để thu hồi và đề xuất với Ban Giám hiệu phương án xử lý(5.5.03 - *Biên bản kiểm kê năm 2023,2024*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên và nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ ô tô về bảo quản, sử dụng vật tư của nghề(5.2.06 - *Phiếu khảo sát sự đáp ứng của trang thiết bị đào tạo với từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của Giáo viên và HSSV, tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường có một phòng thư viện, tài liệu lưu trữ tại thư viện bao gồm: Chương trình đào tạo thuộc các hệ trung cấp của các chuyên ngành đã được trường phê duyệt; Bài giảng, giáo trình nội bộ của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo; Giáo trình và tài liệu tham khảo từ các nhà xuất bản mỗi đầu bài giảng tối thiểu từ 5 bản in phục vụ các ngành, nghề đào tạo tại trường được cấp phép của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (4.9.03 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 109, 109a, 109b, 109c/2018/GDND-TCGDNN*).

Thư viện tại cơ sở 2 – Minh Trí, nơi giảng dạy, học tập chính của Giáo viên, HSSV Khoa Công nghệ ô tô có đầy đủ chương trình, giáo trình nghề Công nghệ ô tô đã được Nhà trường phê duyệt (4.1.12 - *Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022, 2023; 4.09.01 - Danh mục giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô; 4.09.02 – Bộ giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô*)

Sau khi lựa chọn, thẩm định Bộ giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô được in và cấp phát cho HSSV, đồng thời tại thư viện còn lưu trữ mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học. Bên cạnh giáo trình giảng dạy, thư viện còn có các tài liệu, giáo trình, tạp

chí tham khảo liên quan đến chuyên ngành Công nghệ ô tô, đáp ứng tối thiểu 05 đầu sách/người học (5.6.01 - Sổ kiểm kê thư viện cơ sở 1,2,3 năm 2023,2024; 5.6.02 – Danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo)

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ ô tô về hoạt động của thư viện (5.6.3 – Phiếu khảo sát về hoạt động của thư viện).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện Nhà trường có hệ thống máy tính có kết nối internet phục vụ công tác đọc và tra cứu tài liệu điện tử (5.7.01 - Biên bản kiểm kê thiết bị phòng KHCN –ĐN hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phòng học chuyên môn của Khoa đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu, máy tính phục vụ giảng dạy. Khoa Công nghệ ô tô được nhà trường trang bị một số thiết bị, phần mềm mô phỏng, phần mềm ảo mô phỏng phục vụ cho hoạt động dạy và học (2.3.05 - Danh mục phần mềm mô phỏng).

Hầu hết các mô đun chuyên môn của nghề đều có ứng dụng các phần mềm mô phỏng trong giảng dạy như Festo Fluisim, Studio 500 RSlogix.... (5.8.01- Hình ảnh phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học nghề Công nghệ ô tô).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

2.2.6. TIÊU CHÍ 6: Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu: Nhà trường luôn quan tâm đến các dịch vụ cho HSSV nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học yên tâm và phát huy tốt nhất khả năng của mình trong thời gian học tập và rèn luyện tại trường. Trong "Tuần sinh hoạt công dân, HSSV đầu khoá", nhà trường phổ biến về chương trình, kế hoạch, mục tiêu và các yêu cầu về chuyên môn của từng nghề; quy chế thi, kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp

cho HSSV; nội dung các nội quy, quy chế của Nhà trường; các quy định của địa phương. Tất cả những nội quy, qui chế được tổng hợp trong cuốn Sổ tay HSSV Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại.

Học sinh – Sinh viên trong diện được hưởng chế độ chính sách quy định (ưu đãi hoặc theo quy định của Nhà Nước) đã được Nhà trường hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ và được nhận hỗ trợ kịp thời, đáp ứng đầy đủ về chỗ ăn, chỗ ở, các tiện nghi sinh hoạt và nhu cầu vui chơi, giải trí, hàng năm tổ chức nhiều các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, thu hút được đông đảo các em học sinh sinh viên tham gia.

Nhà trường có Trung tâm tuyển sinh và giới thiệu việc làm, luôn cung cấp đầy đủ thông tin về nghề nghiệp, việc làm được cho người học ngay trong quá trình học tập cũng như khi tốt nghiệp ra trường.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường cung cấp các thông tin về nội dung chương trình đào tạo; các nội quy, quy chế, các chế độ, chính sách ngay khi học sinh học tập đầu khóa giúp cho người học dễ dàng thực hiện nhiệm vụ và quyền lợi của mình trong quá trình học tập.

Chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập được cụ thể hóa trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường giúp cho việc chi trả được công khai minh bạch, hỗ trợ tốt nhất cho người học;

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên, thu hút được đông đảo người học tham gia, diện tích các khu vui chơi giải trí của nhà trường được bố trí hợp lý;

Nhà trường cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc làm, thị trường lao động cho người học; tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa người học và nhà tuyển dụng nhằm tạo điều kiện cho người học có cơ hội tìm kiếm việc làm.

** Những tồn tại*

- Công tác tuyển sinh kéo dài dẫn đến việc phổ biến Nội quy, quy định của nhà trường cho những HSSV nhập học muộn gặp khó khăn.

- Học sinh sinh viên chủ yếu là con em trong tỉnh Vĩnh Phúc và vùng lân cận, nên lượng HSSV ở ký túc xá ít, dẫn đến khó khăn trong công tác tổ chức các hoạt động vui chơi cho người học tại khu ký túc xá;

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tiếp tục cải tiến các kênh thông tin cung cấp các thông tin liên quan đến chương trình đào tạo, các nội quy, quy chế, các chế độ, chính sách các chế độ ưu đãi, khuyến khích cho người học;

- Trong giai đoạn 2020 - 2025, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm tuyển sinh và Giới thiệu việc làm, tăng cường nhân sự có năng lực, giao quyền tự chủ, mở rộng các mối quan hệ tìm kiếm các đối tác và ký kết các hợp đồng cung ứng lao động trên địa bàn Tỉnh Vĩnh Phúc và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Học sinh, sinh viên của Nhà trường được cung cấp đầy đủ thông tin ngay từ khi nhập học và trong suốt quá trình học tập tại trường. Đầu mỗi khóa học, Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa (6.1.01- *Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa - Năm học 2022 - 2023 và 2023 - 2024*) nhằm cung cấp đầy đủ thông tin về tất cả các mặt liên quan đến HSSV.

Trong nội dung Bài 3 của Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa, HSSV được cung cấp đầy đủ thông tin về nội quy lớp học đang được treo tại các phòng học lý thuyết (6.1.02 - *Nội quy lớp học*), nội quy xưởng thực hành, phòng thí nghiệm đang được treo tại các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm (6.1.03 - *Nội quy xưởng thực hành, phòng thí nghiệm*) và quy chế công tác HSSV (6.1.04 - *QĐ 199/QĐ- CDCN & TM – CTHSSV, ngày 23 tháng 4 năm 2019*).

Cũng trong nội dung của Bài 3 này, người học được cung cấp đầy đủ thông tin về các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học như Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2021 - 2022, Thông tư 09 hướng dẫn thực hiện “Nghị định 86”, “Quyết định 53-TTg” về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học trung cấp, “Nghị quyết 42-HĐND” tỉnh Vĩnh Phúc về hỗ trợ học phí và chi phí học tập cho người học có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Nhà trường thông báo tới HSSV về việc hoàn thiện hồ sơ để thực hiện các loại

chính sách nói trên(6.1.05 - *Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học 2022- 2023 và 2023 - 2024*).

Ngoài ra, sau khi được quyết định phân công biên chế vào lớp cụ thể, HSSV còn được Giáo viên chủ nhiệm cung cấp chi tiết chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô (6.1.06 – *Quyết định phân công GVCN/CVHT năm 2023, 2024*;6.1.07 - *Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại*;4.1.12 -*Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2023, 2024*). Để HSSV nắm được những quy định đảm bảo đủ điều kiện xét tốt nghiệp và những vấn đề liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập, Giáo viên chủ nhiệm cung cấp cho HSSV quy chế đào tạo, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được quy định chi tiết tại Điều 12, Điều 13, Điều 15, Điều 16, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26/Quy chế đào tạo trình độ trung cấp chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ(6.1.08 -*Quyết định số 567/QĐ-CĐCN&TM-ĐT, ngày 18 tháng 12 năm 2018*).

Trong suốt quá trình theo học, nếu cần tìm hiểu các thông tin liên quan, người học có thể tra cứu ngay trong website của trường trong chuyên mục của Phòng đào tạo – Chương trình đào tạo hay chuyên mục của Phòng Công tác HSSV – Nội quy/Quy chế (6.1.09 - <https://coit.edu.vn/chitiet-3-765-cong-tac-hoc-sinh-%E2%80%93sinh-vien.html.vn>; 6.1.10 - <https://coit.edu.vn/chitiet-3-763-dao-tao.html.vn>).

Cuối mỗi năm học, Nhà trường lấy phiếu ý kiến của người học, trong đó có mục “HSSV có được cung cấp đầy đủ thông tin về các chính sách dành cho người học” (6.1.11 - *Kế hoạch về việc đánh giá thực hiện chính sách liên quan đến người học*; 6.1.12 - *Phiếu đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học*) và trong báo cáo tổng hợp hàng năm đều có từ 86% đến 92% số HSSV được hỏi đã đưa ra câu trả lời “Có” (6.1.13 - *Báo cáo tổng hợp đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học*).

Như vậy, Nhà trường, Khoa đã làm tốt công tác cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định và được người học đánh giá hiệu quả

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, HSSV theo học tại trường đều được thụ hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Các HSSV thuộc đối tượng như gia đình có công với cách mạng, có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo... cũng được thụ hưởng chính sách tương ứng (6.2.01 - *Quyết định về việc hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh THPT có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024*).

Những HSSV thuộc đối tượng tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng chế độ theo nghị định số 53/2015/NĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ (6.2.02 - *Quyết định về việc cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác đối với HS-SV thuộc đối tượng tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú năm 2022 - 2023, 2023 - 2024*)

Ngoài những chính sách của Nhà nước, bắt đầu từ năm học 2019 – 2020 tỉnh Vĩnh Phúc hỗ trợ kinh phí học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, chương trình GDTX cấp THPT + trung cấp trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 42/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc (6.2.03 - *Bảng thanh toán hỗ trợ học nghề theo Nghị quyết 42/2018/NQ-HĐND tỉnh Vĩnh Phúc năm học 2020- 2021*)

Bên cạnh người học được hưởng chế độ chính sách theo quy định, Nhà trường thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện nhà trường thành lập Hội đồng khen thưởng học sinh, sinh viên (6.2.04 - *Quyết định thành lập Hội đồng khen thưởng học sinh, sinh viên năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024*). Ban hành quy trình khen thưởng học sinh, sinh viên (6.2.05 - *Quy trình khen thưởng học sinh, sinh viên*).

Kết thúc mỗi học kỳ, Hội đồng xét rèn luyện và học bổng trong nhà trường mà Phòng Công tác HSSV là đầu mối đều tổng hợp và đánh giá học sinh căn cứ điểm rèn luyện và học tập để phân loại, đánh giá và khen thưởng học sinh. Những học sinh có điểm học tập cao, điểm rèn luyện từ loại tốt trở lên đều được nhận khen thưởng

khuyến khích học tập trong kỳ đó (6.2.06 - *Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024*).

Việc khen thưởng hàng kỳ đã kịp thời động viên và khuyến khích các em học tập tốt và rèn luyện tốt, tạo không khí thi đua trong lớp với nhau (6.2.07 - *Danh sách cấp cấp học bổng khuyến khích học tập các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024*).

Cuối năm học và cuối khoá học, Nhà trường giao Phòng Công tác HSSV là đầu mối cũng tổ chức khen thưởng và tặng giấy khen cho cá nhân học sinh có thành tích cao trong học tập và rèn luyện (6.2.08 - *Quyết định về việc khen thưởng cá nhân HSSV các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024*) và tập thể lớp có thành tích cao trong học tập và rèn luyện (6.2.09 - *Quyết định về việc khen thưởng tập thể HSSV các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024*). Các cá nhân và tập thể được khen thưởng cũng được nhận thưởng kịp thời (6.2.10 - *Danh sách nhận khen thưởng cá nhân và tập thể 2022 - 2023, 2023 - 2024*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, người học đã tốt nghiệp về thực hiện chính sách khen thưởng khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập của nhà trường (6.1.11 - *Kế hoạch về việc đánh giá thực hiện chính sách liên quan đến người học; 6.1.12 - Phiếu đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học; 2.1.13 - Báo cáo tổng hợp đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm, hằng năm, Trung tâm tuyển sinh và Giới thiệu việc làm tiến hành việc khảo sát nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Vĩnh Phúc và các khu vực lân cận về các nghề đào tạo của Nhà trường (6.3.01 - *Phiếu điều tra, tổng hợp, báo cáo khảo sát nhu cầu lao động năm 2023, 2024*). Đồng thời Nhà trường phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức ngày hội việc làm tại Nhà trường (6.3.02 - *Biên bản làm việc với Trung tâm dịch vụ việc làm*

ting Vĩnh phúc về việc phối hợp tổ chức ngày hội việc làm, hình ảnh tổ chức ngày hội việc làm tại trường; 6.3.03 – Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia hội chợ việc làm; 6.3.04 – Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ việc làm) và kết hợp với doanh nghiệp triển khai các hội thảo tư vấn hướng nghiệp dành cho HSSV năm cuối tại Nhà trường và các trung tâm liên kết đào tạo(6.3.05 - Kế hoạch tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp 2023; 2024, và hình ảnh các buổi tổ chức hướng nghiệp tại các Trung tâm liên kết và Nhà trường).

Bên cạnh đó, nhằm trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp Nhà trường và Khoa đã tiến hành liên hệ các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhân lực phù hợp các chuyên ngành và trình độ đào tạo đăng trên fanpage và website và dán ở bảng thông tin tuyển dụng việc làm để học sinh, sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp và đã tốt nghiệp tham khảo và nắm bắt các thông tin tuyển dụng(6.3.06 - Đơn hàng tuyển dụng các năm, và hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng tại website, fanpage, bảng tin năm 2023, 2024). Học sinh, sinh viên sau khi tham khảo thông tin tuyển dụng, đến trực tiếp Trung tâm Tuyển sinh và giới thiệu việc làm của Nhà trường để được tư vấn và tham gia nộp hồ sơ ứng tuyển. Hoặc Nhà trường căn cứ vào thông tin HSSV khi tốt nghiệp, giao cho bộ phận tư vấn việc làm điện thoại lần vết và tư vấn những học sinh chưa tìm kiếm được việc làm hiệu và lựa chọn ứng tuyển các đơn hàng phù hợp (6.3.07 - Dữ liệu lần vết Học sinh, sinh viên)

Để đánh giá chất lượng, hiệu quả của việc cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; việc thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp, hàng năm Nhà trường thực hiện khảo sát đến từng HSSV đã tốt nghiệp (6.1.12 - Phiếu đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học; 2.1.13 - Báo cáo tổng hợp đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để giúp cho người học nâng cao thể chất và rèn luyện sức khỏe sau giờ học, Nhà trường có sân bóng đá; ngoài ra nhà trường còn có khu rèn luyện thể chất cho người học bao gồm bãi nhảy xa, nhảy cao, xà đơn, xà kép, có sân bóng chuyền, sân cầu lông, có Hội trường lớn với 450 chỗ ngồi; có sân khấu phục vụ các kỳ Hội diễn

văn nghệ đảm bảo an toàn (6.4.01 - Hồ sơ thiết kế sân bóng; 6.4.02 - Hình ảnh các hoạt động văn hóa, thể thao của người học).

Hàng năm, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên duy trì các hoạt động tình nguyện tại chỗ, tình nguyện tại các địa phương với sự tham gia đông đảo và tích cực của học sinh, sinh nhà trường (6.4.03 - Kế hoạch hoạt động thanh niên tình nguyện hàng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024; 6.4.04 - Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện nhà trường năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024). Bên cạnh các hoạt động văn hoá thể thao tại Nhà trường, HSSV còn tham gia các hoạt động của Huyện đoàn, Tỉnh đoàn tổ chức như: Hội thao Thành phố Phúc Yên; Hội thao tỉnh Vĩnh Phúc, các hoạt động thể dục thể thao khối các trường dạy nghề trong tỉnh các cuộc thi văn nghệ, cắm trại, thi đấu thể dục thể thao và đạt nhiều thành tích cao (6.4.05 - Các hình ảnh hoạt động của các phong trào năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024; 6.4.06 - Cúp, giấy khen, bằng khen của Trường đạt được do các đơn vị tổ chức trao tặng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024). Trường có báo cáo tổng kết hằng năm về các hoạt động phong trào của Trường (6.4.07 – Báo cáo tổng kết của BCH Đoàn thanh niên năm 2022; 2023; 6.4.08 - Báo cáo tổng kết của Công đoàn trường năm 2022; 2023).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao (6.1.12 - Phiếu đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Mục tiêu của trường là đào tạo, cung cấp cho xã hội một đội ngũ người lao động chất lượng cao, để đáp ứng mục tiêu này đào tạo phải gắn liền với thực tế lao động sản xuất, Nhà trường phải biết được nhu cầu cần đáp ứng của người lao động đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ là gì qua đó để điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp. Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá từ các doanh nghiệp đang sử dụng lao động tốt nghiệp từ nhà trường, đã thực hiện lập danh sách các doanh nghiệp đang sử dụng lao động và tổ chức lấy ý kiến đánh giá của doanh nghiệp về sự phù hợp của chương trình và giáo trình, tổng hợp báo cáo, phân tích số liệu.

Thực hiện thu thập ý kiến đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Thu thập ý kiến đánh giá người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Nhà trường lập kế hoạch lần vết đối với HSSV dưới nhiều hình thức như: Triển khai lần vết cơ bản (lấy thông tin cá nhân HSSV năm cuối); gọi điện thoại với HSSV tốt nghiệp sau 6 tháng, gửi thông tin khảo sát online qua zalo, facebook để lấy thông tin về việc làm sau khi tốt nghiệp.

** Những điểm mạnh:*

- Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ rộng rãi, có liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin về thị trường lao động làm cơ sở cho việc đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu đào tạo và người sử dụng lao động từ đó phục vụ tốt cho công tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp tại Nhà trường.

- Nhà trường đã xây dựng quy trình tự đánh giá chất lượng, đang được vận hành tốt, qua đó hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng tự đánh giá, tổng hợp báo cáo và đánh giá sự phù hợp của các minh chứng, do đó công tác tự đánh giá của nhà trường đã đi vào nền nếp, thông qua phân tích thông tin minh chứng đã giúp cho nhà trường kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo cho phù hợp với thực tế.

** Những tồn tại:*

Công tác lần vết của người học đã tốt nghiệp đôi khi còn gặp khó khăn do người học thay đổi số điện thoại, địa chỉ liên hệ

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, cập nhật thường xuyên các nhu cầu của doanh nghiệp, kết hợp giữa đào tạo và sản xuất, nhằm tạo điều kiện tốt cho công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động theo từng ngành nghề, giúp HSSV ra trường có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo;

- Tiếp tục lấy ý kiến đánh giá từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người học, người học đã tốt nghiệp. Thường xuyên thay đổi nội dung, phương pháp khảo sát nhằm đi sâu vào thực tế.

- Trên cơ sở kết quả của công tác lần vết nhà trường tiếp tục điều chỉnh chương trình, giáo trình cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV sau tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hàng năm Khoa kết hợp với Trung tâm tuyển sinh và giới thiệu việc làm xây dựng kế hoạch thu thập ý kiến của 10 đơn vị sử dụng lao động có HSSV nghề Công nghệ ô tô đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị và cơ sở sản xuất kinh doanh (7.1.01 – Kế hoạch khảo sát sự phù hợp của CTĐT tại doanh nghiệp; 7.1.02 – Danh sách doanh nghiệp được khảo sát năm 2022, 2023), việc lấy ý kiến được thực hiện bằng hình thức gửi phiếu khảo sát qua HSSV nghề Công nghệ ô tô đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động (7.1.03 – Phiếu khảo sát sự đáp ứng công việc chuyên môn của HSSV đã tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ).

Sau khi nhận lại phiếu khảo sát, Khoa tổ chức hội thảo báo cáo tổng hợp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm cân đối, chỉnh sửa chương trình đào tạo cho các khoá đào tạo nghề Công nghệ ô tô tiếp theo (7.1.04 –

Báo cáo tổng hợp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ về mức độ đáp ứng và phù hợp của CTĐT nghề Công nghệ ô tô năm 2020, 2021)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra lần vết đối với 100% HSSV tốt nghiệp nhằm thu thập ý kiến phản hồi của người học đã tốt nghiệp về tình hình việc làm, đánh giá sự phù hợp của chương trình, giáo trình với vị trí việc làm (2.5.07 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp; 7.2.01 - Kế hoạch lần vết HSSV năm 2023, 2024*).

Nhà trường luôn đa dạng hóa các hình thức lần vết nhằm thu thập được nhiều nhất thông tin phản hồi của người học. Sau 6 tháng tốt nghiệp Nhà trường gửi phiếu khảo sát quaqua email hoặc trực tiếp HSSV đã tốt nghiệp(7.2.02 - *Danh sách và thông tin HSSV tốt nghiệp năm học 2023, 2024; 7.1.03 - Phiếu khảo sát sự đáp ứng công việc chuyên môn của HSSV đã tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*).

Trên cơ sở kết quả thu được của người học đã tốt nghiệp, Trung tâm tuyển sinh và Giới thiệu việc làm tổng hợp phiếu phân tích số liệu và báo cáo, qua đó kịp thời điều chỉnh các hoạt động đào tạo để phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động (7.2.03 - *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến năm 2022; 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà giáo và người lao động trong trường được công bằng, khách quan. Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch, lập danh sách và tổ chức thu thập ý kiến đánh giá trên 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến hoạt động của nhà trường, việc tổ chức lấy ý kiến thông qua các cuộc họp lãnh đạo, họp Hội đồng sư phạm và lấy ý kiến online trên website của trường (7.3.01 - *Kế hoạch thu tập ý kiến về các nội dung liên quan đến*

công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2023, 2024)

Căn cứ vào kế hoạch thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động, Nhà trường tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên các giảng viên và cán bộ quản lý, nhân viên (việc lựa chọn phải bảo đảm bao quát các đơn vị, các thành phần và chiếm tỉ lệ trên 50% tổng số cán bộ, giảng viên toàn Trường) để tiến hành thu thập ý kiến. Sau khi thu thập, Trường đều lưu lại danh sách những giảng viên và cán bộ quản lý, nhân viên được thu thập ý kiến. (7.3.02 - *Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến các năm 2022, 2023*)

Việc thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được Nhà trường thực hiện thông qua phương pháp khảo sát bằng phiếu. Các phiếu khảo sát này được Nhà trường lưu lại sau khi tiến hành xử lý, phân tích, đánh giá (7.3.03 - *Phiếu khảo sát về các chính sách năm 2022, 2023*)

Việc thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động mang lại nhiều hiệu quả tích cực qua đó góp phần đảm bảo chất lượng dạy và học. Thời gian tới, Nhà trường sẽ tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của công tác này theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo và giảng dạy. Nhà trường đã xây dựng phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của Giáo viên, Giảng viên (7.4.01 – *Phiếu đánh giá giáo viên*). Bộ phiếu khảo sát gồm có 16 tiêu chí với 4 nội dung cơ bản: Thái độ, tác phong sư phạm nhà giáo; Thực hiện kế hoạch, nội dung giảng dạy; Phương pháp giảng dạy; Kiểm tra đánh giá và công khai. Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy theo học kỳ, 02 Học kỳ/năm học (7.4.02 - *Kế hoạch đánh giá giáo viên theo học kỳ*; 7.4.03 – *Danh sách*

HSSV ngành Công nghệ ô tô được thu thập ý kiến năm 2022, 2023). Trước khi kết thúc Học kỳ 01 tuần, phiếu khảo sát được phát cho Học sinh - sinh viên để Học sinh - sinh viên đánh giá hiệu quả Môn học/ Mô đun. Sau mỗi đợt khảo sát, Phòng Kiểm định - Đảm bảo chất lượng sẽ thu phiếu về để xử lý dữ liệu, phân tích và viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát (7.4.04 - Báo cáo kết quả đánh giá giáo viên).

Qua kết quả phân tích phiếu và báo cáo kết quả khảo sát, đã giúp lãnh đạo Nhà trường nắm bắt được mức độ hài lòng của Học sinh - sinh viên về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo và giảng dạy trong Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ người học về việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường theo năm học (6.1.11 - Kế hoạch về việc đánh giá thực hiện chính sách liên quan đến người học). Trước khi kết thúc năm học 04 tuần, phiếu khảo sát được phát cho Học sinh - sinh viên để Học sinh - sinh viên đánh giá việc thực hiện chính sách. Sau mỗi đợt khảo sát, phòng CT HSSV sẽ thu phiếu về để xử lý dữ liệu (6.1.12 - Phiếu đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học), phân tích và tổng hợp kết quả khảo sát (6.1.13 - Báo cáo tổng hợp đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học).

Đối với ngành Công nghệ ô tô đã thực hiện lấy ý kiến khảo sát với số lượng cụ thể như sau:

Năm 2022: khảo sát 55 lượt học sinh sinh viên, đánh giá về *chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học*;

Năm 2023: khảo sát 30 lượt học sinh sinh viên, đánh giá về *chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học*;

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Trường trung cấp, Trường cao

đảng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐT BXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ-TB&XH. Hàng năm, Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng theo đúng quy định (7.5.01 - *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023, 2024*; 7.5.02 - *Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023, 2024*).

Nhằm đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giảng dạy của từng chương trình đào tạo, để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo. Hàng năm, Khoa Công nghệ ô tô viết báo cáo tự đánh giá cho chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô theo kế hoạch, được phê duyệt (7.5.03 - *Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo 2023, 2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô hàng năm đã chỉ ra được những điểm mạnh, những điểm tồn tại để từ đó Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các đơn vị trong Trường có kế hoạch duy trì, phát huy điểm mạnh và khắc phục những điểm còn tồn tại thông qua triển khai nhiệm vụ hàng năm (7.6.01 - *Nghị quyết đảng ủy mở rộng hàng tháng*; 7.6.02 - *Báo cáo Hội nghị Công nhân viên chức năm 2021*). Thông qua các nghị quyết, báo cáo, Khoa Công nghệ ô tô có kế hoạch thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (7.6.03 - *Biên bản giao ban Khoa hàng tháng*; 7.6.04 - *Báo cáo tổng kết của Khoa Công nghệ ô tô năm 2023, 2024*; 7.6.05 - *Kế hoạch công tác năm của Khoa Công nghệ ô tô 2023, 2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ vào quyết định công nhận tốt nghiệp, số lượng sinh viên đã tốt nghiệp ra Trường của năm trước, Nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch, tổ chức điều tra lần vết đối với 100% HSSV tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô bằng nhiều hình

thức khác nhau như: gửi phiếu hỏi qua đường bưu điện, thông qua qua email, face book, zalo để mời tham gia khảo sát online (2.5.07 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp*; 7.2.01 - *Kế hoạch lần vết học sinh sinh viên năm 2023, 2024*; 7.2.02 - *Danh sách và thông tin HSSV tốt nghiệp năm 2022-2023*; 7.1.03 - *Phiếu khảo sát sự đáp ứng công việc chuyên môn của HSSV đã tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trung tâm tuyển sinh và Giới thiệu việc làm xây dựng kế hoạch, lập danh sách các doanh nghiệp, tổ chức lấy ý kiến doanh nghiệp đánh giá về mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô bằng phương pháp gửi phiếu khảo sát qua đường bưu điện đến doanh nghiệp (7.1.01 - *Kế hoạch khảo sát sự phù hợp của CTĐT tại doanh nghiệp*; 7.1.02 - *Danh sách doanh nghiệp được khảo sát năm 2023, 2024*).

Trên cơ sở phiếu khảo sát thu được của doanh nghiệp, nhà trường xây dựng báo cáo tổng hợp và phân tích số liệu (7.1.03 - *Phiếu khảo sát sự đáp ứng công việc chuyên môn của HSSV đã tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*; 7.1.04 - *Báo cáo tổng hợp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ về mức độ đáp ứng và phù hợp của CTĐT nghề Công nghệ ô tô năm 2020, 2021*)

Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy:

Năm 2020, tổng số doanh nghiệp phản hồi ý kiến là: 11/12 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 91,6%; trong đó 9/11 doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô, chiếm tỷ lệ 81,8%;

Năm 2021, tổng số doanh nghiệp phản hồi ý kiến là: 10/10. doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 100%; trong đó 9/10 doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô, chiếm tỷ lệ 90%;

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hàng năm, tiếp tục duy trì việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển chung của nhà trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động thuộc lĩnh vực Công nghệ ô tô;

Tiếp tục đầu tư các nguồn lực cần thiết nhằm phát triển Khoa Công nghệ ô tô thực sự trở thành chương trình chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia;

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung để hoàn thiện chương trình, giáo trình nghề Công nghệ ô tô hiện đang đào tạo theo chu kỳ 2 năm;

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của các chương trình, giáo trình đào tạo hiện tại;

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giáo viên, học sinh về chất lượng giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của cựu HSSV và Doanh nghiệp trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình, giáo trình;

Tiếp tục đầu tư xây dựng phần mềm ảo mô phỏng cho các mô đun, môn học của nghề Công nghệ ô tô;

Tiếp tục cải tiến các kênh thông tin cung cấp các thông tin liên quan đến chương trình đào tạo, các nội quy, quy chế, các chế độ, chính sách các chế độ ưu đãi, khuyến khích cho người học;

Trong giai đoạn 2020 - 2025, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm tuyển sinh và Giới thiệu việc làm, tăng cường nhân sự có năng lực, giao quyền tự chủ, mở rộng các mối quan hệ tìm kiếm các đối tác và ký kết các hợp đồng cung ứng lao động trên địa bàn Tỉnh Vĩnh Phúc và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc;

Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, cập nhật thường xuyên các nhu cầu của doanh nghiệp, kết hợp giữa đào tạo và sản xuất, nhằm tạo điều kiện tốt cho công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động theo từng ngành nghề, giúp HSSV ra trường có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo;

Tiếp tục lấy ý kiến đánh giá từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người học, người học đã tốt nghiệp. Thường xuyên thay đổi nội dung, phương pháp khảo sát nhằm đi sâu vào thực tế;

Trên cơ sở kết quả của công tác lần vết nhà trường tiếp tục điều chỉnh chương trình, giáo trình cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo;

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng dạy nghề.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- TC GDNN (để b/c)
- BGH;
- Các Phòng, Khoa, TT;
- Lưu: VT, KT&KDCL

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Quyết định số 2226/QĐ-BCT ngày 27/06/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
2			1.1.02		Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
3			1.1.03		Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020
4			1.1.04		Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
5			1.1.05		Quyết định số 1769/QĐ-LĐTĐ phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; Trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và

					định hướng đến năm 2025 ban hành ngày 25/11/2019
6				1.1.06	Chiến lược phát triển trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên đến năm 2025 và tầm nhìn 2035 ban hành kèm theo Quyết định số 438/QĐ-CĐCNPY ngày 24/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
7				1.1.07	Kế hoạch xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2021; 2022
8				1.1.08	Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm biên soạn, chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2021; 2022
9				1.1.09	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2021; 2022
10				1.1.10	Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2021; 2022
11				1.1.11	Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường các năm 2021; 2022
12				1.1.12	https://coit.edu.vn/chitiet-3-763-dao-cao.html
13				1.1.13	Danh sách các đối tượng tham gia khảo sát năm 2022; 2023
14				1.1.14	Kế hoạch khảo sát năm 2022; 2023
15				1.1.15	Bộ phiếu khảo sát năm 2022; 2023

16				1.1.16	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2022; 2023
17				1.1.17	Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2022; 2023
18		2		1.2.01	Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
19				1.2.02	Báo cáo tổng kết học kỳ, năm học của Khoa Công nghệ ô tô năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
20				1.2.03	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
27				1.2.04	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể cá nhân năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
28				1.2.05	Bảng khen tập thể các cấp
29		3		1.3.01	Quyết định thu học phí các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
30				1.3.02	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2023, 2024
31				1.3.03	Dự trù kinh phí vật tư học tập, dụng cụ lâu bền cho HSSV Cao đẳng nghề Công nghệ ô tô theo khóa năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
32				1.3.04	Biên bản bàn giao vật tư thực hành
33				1.3.05	Kế hoạch kiểm tra hàng tháng của Khoa năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
34				1.3.06	Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp năm học 2022 - 2023,

					2023 - 2024
35				1.3.07	Biên bản kiểm tra của đơn vị năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
36				1.3.08	Báo cáo tài chính hàng năm tại hội nghị CNVC năm 2022 - 2023
37	2	1		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 109,109a,109b,109c/2018/ GCNĐKHHĐ-TCGDNN
38				2.1.02	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2023, 2024
39				2.1.03	Quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh 2023, 2024
40				2.1.04	Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023, 2024
41				2.1.05	Kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh năm 2023, 2024
42				2.1.06	Thông báo tuyển sinh năm 2023, 2024
43				2.1.07	Hồ sơ xét tuyển
44				2.1.08	Biên bản họp HĐTS công nhận kết quả trúng tuyển năm 2023, 2024
45				2.1.09	Quyết định công nhận trúng tuyển
46				2.1.10	Quyết định thành lập lớp các năm 2023, 2024
47				2.1.11	Kế hoạch hậu kiểm công tác tuyển sinh các năm 2023, 2024
48				2.1.12	Báo cáo về việc hậu kiểm công tác tuyển sinh các năm 2023, 2024
49				2.1.13	Báo cáo kết quả công tác tuyển sinh năm của trường năm 2023, 2024
50		2		2.2.01	Chương trình đào tạo Nghề Công nghệ ô tô năm 2021; 2022

51				2.2.02	Kế hoạch đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
52				2.2.03	Tiến độ giảng dạy học kỳ
53				2.2.04	Thời khóa biểu
54				2.2.05	Lịch trình giảng dạy môn học, mô đun
55				2.2.06	Sổ lên lớp năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
56				2.2.07	Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
57				2.2.08	Sổ tay giáo viên năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
58				2.2.09	<i>Biên bản thanh, kiểm tra hoạt động đào tạo các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024</i>
59		3		2.3.01	Sổ lên lớp năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
60				2.3.02	Giáo án giảng dạy của giáo viên năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
61				2.3.03	Chương trình đào tạo/chương trình môn học, mô đun/Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học/mô đun
62				2.3.04	Bài giảng điện tử một số môn học/mô đun
63				2.3.05	Danh mục phần mềm mô phỏng
64				2.3.06	Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn của Khoa Công nghệ ô tô năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
65		5		2.5.01	Biên bản coi, chấm thi

66				2.5.02		Phiếu chấm bài thi
67				2.5.03		Bản đối chiếu số phách, số báo danh
68				2.5.04		Bản vào điểm
69				2.5.05		Quyết định thành lập hội đồng tốt nghiệp
70				2.5.06		Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp
71				2.5.07		Quyết định công nhận tốt nghiệp
72				2.5.08		Sổ cấp bằng
73				2.5.09		Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, hệ cao đẳng hệ chính quy theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ
74				2.5.10		Quy định chấm thi kết thúc môn học, mô đun
75				2.5.11		Quy định tổ chức thi kết thúc môn học/mô đun
76				2.5.12		Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện
77				2.5.13		Phiếu tự đánh giá kết quả rèn luyện HSSV
78				2.5.14		Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện HSSV
79		6		2.6.01		Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
80				2.6.02		Báo cáo tổng hợp việc thực hiện quy chế đào tạo hàng tháng
81				2.6.03		Email Báo cáo tổng hợp việc thực hiện quy chế hàng tháng và Học kỳ
82				2.6.04		Danh sách đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và

					học các năm
83				2.6.05	Nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp thực hiện và kế hoạch công tác các năm học
84		7		2.7.01	Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông
85				2.7.02	Chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô
86				2.7.03	Tiến độ đào tạo nghề Công nghệ ô tô liên thông năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
87				2.7.04	Báo cáo tình hình đào tạo liên thông năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
88				2.7.05	Kế hoạch thanh, kiểm tra giáo dục nghề nghiệp các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
89				2.7.06	Báo cáo tổng hợp việc thực hiện quy chế đào tạo hàng tháng)
90		1		3.1.01	Biên bản rà soát về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp các năm 2022; 2023
91				3.1.02	Hồ sơ giáo viên giảng dạy nghề Công nghệ ô tô năm 2023, 2024
92				3.1.03	Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
93				3.1.04	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
94				3.1.05	Kế hoạch đề xuất của đơn vị về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp

					vụ đối với nhà giáo năm 2023, 2024
95				3.1.06	Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo của các đơn vị năm 2023, 2024
96	3			3.1.07	Kế hoạch khảo sát năm 2023, 2024
97				3.1.08	Bộ phiếu khảo sát 2023, 2024
98				3.1.09	Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2023, 2024
99				3.1.10	Danh sách các đối tượng tham gia khảo sát năm 2023, 2024
100				3.1.11	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát năm 2023, 2024
101		2		3.2.01	Quy định chế độ làm việc nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
102				3.2.02	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
103				3.2.03	Phiếu đánh giá cán bộ viên chức và người lao động năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
104				3.2.04	Quyết định công nhận phân loại viên chức hàng năm 2023, 2024
105		3		3.3.01	Quyết định thành lập lớp ngành Công nghệ ô tô năm 2023, 2024
106				3.3.02	Bảng tính học sinh, sinh viên quy đổi nghề Công nghệ ô tô
107				3.3.03	Bảng tính giáo viên quy đổi nghề Công nghệ ô tô
108				3.3.04	Bảng tổng hợp khối lượng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024

109				3.3.05	Bảng thanh toán lương, thanh toán vượt giờ năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
110		4		3.4.01	Thông báo về kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học năm học 2023, 2024
111				3.4.02	Hội đồng xét duyệt đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường năm 2023, 2024
112				3.4.03	Danh sách giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề Công nghệ ô tô tham gia nghiên cứu khoa học năm 2023, 2024
113				3.4.04	Quyết định công nhận kết quả đề tài nghiên cứu khoa học
114				3.4.05	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệp vụ đề tài NCKH các năm 2023, 2024
115				3.4.06	Giấy chứng nhận đạt giải ở các hội thi thiết bị tự làm
116				3.4.07	Kế hoạch hội giảng, danh sách giáo viên và tên bài giảng hội giảng cấp khoa năm học 2023 - 2024
117		5		3.5.01	Kế hoạch bồi dưỡng viên chức các năm 2023, 2024
118				3.5.02	Công văn, quyết định cử nhà giáo đi học
119				3.5.03	Báo cáo, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học các năm 2023, 2024
120				3.5.04	Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ năm 2023, 2024

121		6		3.6.01	Kế hoạch cử giáo viên đi thực tập tại doanh nghiệp
122				3.6.02	Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo, văn bằng, chứng chỉ
123				3.6.03	Công văn, Quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp
124				3.6.04	Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của nhà giáo
125		7		3.7.01	Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý năm 2023; 2024
126				3.7.02	Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý
127				3.7.03	Hồ sơ cán bộ của Trường/Phó các đơn vị
128		8		3.8.01	Phiếu đánh giá cán bộ viên chức và người lao động năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
129				3.8.02	Văn bản nhận xét đánh giá cán bộ năm 2023; 2024
130				3.8.03	Báo cáo tổng kết của trường năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
131		1		4.1.01	Kế hoạch xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo của trường năm 2023; 2024
132				4.1.02	Quyết định thành lập các Ban Chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô
133				4.1.03	Biên bản làm việc của Ban chủ nhiệm biên soạn chương trình đào tạo Nghề Công nghệ ô tô
134				4.1.04	Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý

					về chương trình đào tạo năm 2023; 2024
135				4.1.05	Báo cáo tổng hợp, phân tích ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp/giảng viên/cán bộ quản lý năm 2023; 2024
136				4.1.06	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô
137				4.1.07	Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo 2021. 2022
138				4.1.08	Quyết định ban hành chương trình đào tạo
139	4			4.1.09	Phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng thẩm định
140				4.1.10	Danh sách trích ngang thành viên Hội đồng thẩm định năm học 2022, 2023
141				4.1.11	Biên bản họp khoa về việc đánh giá, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo
142				4.1.12	Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2021; 2022
143		2		4.2.01	Biên bản thoả thuận hợp tác
144		3		4.3.01	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp cho các ngành nghề đào tạo 2022, 2023
145				4.3.02	Bộ phiếu lấy ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp và cựu HSSV về mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra nghề Công nghệ ô tô năm 2021; 2022

146				4.3.03	Báo cáo tổng hợp, phân tích ý kiến chuyên gia/doanh nghiệp, cựu HSSV và đề xuất chuẩn đầu ra đối với nghề Công nghệ ô tô năm 2021; 2022
147		4		4.4.01	Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2021; 2022
148				4.4.02	Nội dung chương trình/Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2021; 2022
149		7		4.7.01	Quyết định, Danh sách cán bộ, giáo viên được cử tham gia các khóa tập huấn chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước
150		8		4.8.01	Chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô
151				4.8.02	Biên bản thoả thuận về việc công nhận kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi liên thông trình độ cao đẳng
152				4.8.03	Chương trình đào tạo trình độ Đại học liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chuyên ngành Công nghệ ô tô
153		9		4.9.01	Danh mục giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô
154				4.9.02	Bộ giáo trình giảng dạy của nghề Công nghệ ô tô
155				4.9.03	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 109,109a,109b,109c/2018/ GCNĐKHKHĐ-TCGDNN
156				4.9.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình nghề Công nghệ ô tô

					tô
157			4.9.05		Phiếu nhận xét về giáo trình
158			4.9.06		Biên bản họp Hội đồng thẩm định bộ giáo trình nghề Công nghệ ô tô
159			4.9.07		Quyết định phê duyệt giáo trình đưa vào sử dụng
160		10	4.10.01		Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy
161		1	5.1.01		Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 7 tầng
162			5.1.02		Danh sách các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của Khoa Công nghệ ô tô
163			5.1.03		Sổ quản lý tài sản cố định của Khoa năm 2023; 2024
164			5.1.04		Quy định về quản lý sử dụng tài sản
165			4.9.07		Quyết định phê duyệt giáo trình đưa vào sử dụng
166		10	4.10.01		Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy
167		1	5.1.01		Bản vẽ hoàn công nhà lớp học 7 tầng
168			5.1.02		Danh sách các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của Khoa Công nghệ ô tô
169	5		5.1.03		Sổ quản lý tài sản cố định của Khoa năm 2023; 2024
170			5.1.04		Quy định về quản lý sử dụng tài sản
171			5.1.05		Báo cáo tổng kết công tác quản lý và sử dụng thiết bị năm 2023; 2024
172			5.1.06		Biên bản đánh giá và đề xuất nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị

173			5.1.07	Phiếu khảo sát về sự đáp ứng yêu cầu đào tạo của phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước
174	2		5.2.01	Bảng đối chiếu danh mục thiết bị hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trong chương trình đào tạo
175			5.2.02	Biên bản giao nhận vật tư giảng dạy
176			5.2.03	Biên bản kiểm kê TSCĐ của khoa năm 2023; 2024
177			5.2.04	Báo cáo kiểm kê TSCĐ năm 2023; 2024
178			5.2.05	Phiếu khảo sát sự đáp ứng của trang thiết bị đào tạo với từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo
179	3		5.3.01	Sổ theo dõi hoạt động phòng chuyên môn/xưởng thực hành/thực tập/phòng thí nghiệm/nhà thi đấu/sân thể thao
180	4		5.4.01	Hình ảnh bố trí xưởng thực hành
181			5.4.02	Hình ảnh bố trí vị trí đặt dụng cụ vệ sinh, bình chữa cháy
182			5.4.03	Sơ đồ bố trí thiết bị bảo vệ tại các xưởng thực hành
183			5.4.04	Sơ đồ đi dây hệ thống nối đất tại các phòng thực hành
184			5.4.05	Tiêu chí 5S
185			5.4.06	Sổ tay an toàn lao động
186			5.4.07	Bảng nội quy
187			5.4.08	Biên bản kiểm tra 5S

188			5.4.09	điểm 2 trang thiết bị máy móc/IV- Điều kiện thực hiện môn học/Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô
189			5.4.10	Quy trình về bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị
190	5		5.5.01	Kế hoạch kèm theo dự trù mua sắm vật tư học tập năm 2023; 2024
191			5.5.02	Hình ảnh bố trí thiết bị, vật tư tại các kho lưu trữ
192			5.5.03	Biên bản kiểm kê năm 2023; 2024
193	6		5.6.01	Sổ kiểm kê thư viện cơ sở 1,2,3 năm 2023; 2024
194			5.6.02	Danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo
195			5.6.03	Phiếu khảo sát về hoạt động của thư viện
196	7		5.7.01	Biên bản kiểm kê thiết bị phòng KHCN –ĐN hàng năm
197	8		5.8.01	Hình ảnh phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học nghề Công nghệ ô tô
198	1		6.1.01	Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khoá - Năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
199			6.1.02	Nội quy lớp học
200	6		6.1.03	Nội quy xưởng thực hành, phòng thí nghiệm
201			6.1.04	QĐ 199/QĐ- CDCN & TM – CTHSSV, ngày 23 tháng 4 năm 2019
202			6.1.05	Thông báo về việc hoàn thiện hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và chính sách nội trú các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
203			6.1.06	Quyết định phân công GVCN/CVHT năm 2023; 2024

204				6.1.07	Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
205				6.1.08	Quyết định số 567/QĐ-CDCN&TM-ĐT, ngày 18 tháng 12 năm 2018
206				6.1.09	https://coit.edu.vn/chitiet-3-765-cong-tac-hoc-sinh-%E2%80%93-sinh-vien.html.vn
207				6.1.10	https://coit.edu.vn/chitiet-3-763-dao-tao.html.vn
208				6.1.11	Kế hoạch về việc đánh giá thực hiện chính sách liên quan đến người học
209				6.1.12	Phiếu đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học
210				6.1.13	Báo cáo tổng hợp đánh giá của HSSV về dịch vụ người học và việc thực hiện chính sách đối với người học
211		2		6.2.01	Quyết định về việc hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh THPT có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
212				6.2.02	Quyết định về việc cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác đối với HS-SV thuộc đối tượng tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
213				6.2.03	Bảng thanh toán hỗ trợ học nghề theo Nghị quyết 42/2018/NQ-HĐND tỉnh Vĩnh Phúc năm học 2021 - 2022
214				6.2.04	Quyết định thành lập Hội đồng khen thưởng học sinh, sinh viên năm học

					2022 - 2023, 2023 - 2024
215				6.2.05	Quy trình khen thưởng học sinh, sinh viên
216				6.2.06	Quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
217				6.2.07	Danh sách cấp cấp học bổng khuyến khích học tập các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
218				6.2.08	Quyết định về việc khen thưởng cá nhân HSSV các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
219				6.2.09	Quyết định về việc khen thưởng tập thể HSSV các năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
220				6.2.10	Danh sách nhận khen thưởng cá nhân và tập thể 2022 - 2023, 2023 - 2024
221		3		6.3.01	Phiếu điều tra, Tổng hợp, báo cáo khảo sát nhu cầu lao động năm 2022, 2023
222				6.3.02	Biên bản làm việc với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh phúc về việc phối hợp tổ chức ngày hội việc làm, hình ảnh tổ chức ngày hội việc làm tại trường
223				6.3.03	Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia hội chợ việc làm
224				6.3.04	Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ việc làm

225				6.3.05	Kế hoạch tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp 2022, 2023, và hình ảnh các buổi tổ chức hướng nghiệp tại các Trung tâm liên kết và Nhà trường
226				6.3.06	Đơn hàng tuyển dụng các năm, và hình ảnh đăng thông tin tuyển dụng tại website, fanpage, bảng tin năm 2023; 2024
227				6.3.07	Dữ liệu lần vết Học sinh, sinh viên
228		4		6.4.01	Hồ sơ thiết kế sân bóng
229				6.4.02	Hình ảnh các hoạt động văn hóa, thể thao của người học
230				6.4.03	Kế hoạch hoạt động thanh niên tình nguyện hàng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
231				6.4.04	Các hình ảnh hoạt động của đội Thanh niên tình nguyện nhà trường năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
232				6.4.05	Các hình ảnh hoạt động của các phong trào năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
233				6.4.06	Cúp, giấy khen, bằng khen của Trường đạt được do các đơn vị tổ chức trao tặng năm học 2022 - 2023, 2023 - 2024
234				6.4.07	Báo cáo tổng kết của BCH Đoàn thanh niên năm 2023; 2024
235				6.4.08	Báo cáo tổng kết của BCH Đoàn thanh niên năm 2023; 2024
236				6.4.09	Báo cáo tổng kết của Công đoàn trường năm 2023; 2024

237		1		7.1.01		– Kế hoạch khảo sát sự phù hợp của CTĐT tại doanh nghiệp
238				7.1.02		Danh sách doanh nghiệp được khảo sát năm 2022, 2023
239	7			7.1.03		Phiếu khảo sát sự đáp ứng công việc chuyên môn của HSSV đã tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
240				7.1.04		Báo cáo tổng hợp ý kiến của đơn vị sử dụng lao động, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ về mức độ đáp ứng và phù hợp của CTĐT nghề Công nghệ ô tô năm 2023; 2024
241		2		7.2.01		Kế hoạch lần vết HSSV năm 2023; 2024
242				7.2.02		Danh sách và thông tin HSSV tốt nghiệp năm học 2023; 2024
243				7.2.03		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến năm 2023; 2024
244		3		7.3.01		Kế hoạch thu thập ý kiến về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm 2023; 2024
245				7.3.02		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến các năm 2023; 2024
246				7.3.03		Phiếu khảo sát về các chính sách năm 2023; 2024
247		4		7.4.01		Phiếu đánh giá giáo viên
248				7.4.02		Kế hoạch đánh giá giáo viên theo học kỳ

249				7.4.03	Danh sách HSSV ngành Công nghệ ô tô được thu thập ý kiến năm 2023; 2024
250				7.4.04	Báo cáo kết quả đánh giá giáo viên
251		5		7.5.01	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023; 2024
252				7.5.02	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023; 2024
253				7.5.03	Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo 2023; 2024
254		6		7.6.01	Nghị quyết đảng ủy mở rộng hàng tháng
255				7.6.02	Báo cáo Hội nghị Công nhân viên chức năm 2023;
256				7.6.03	Biên bản giao ban Khoa hàng tháng
257				7.6.04	Báo cáo tổng kết của Khoa Công nghệ ô tô năm 2023; 2024
258				7.6.05	Kế hoạch công tác năm của Khoa Công nghệ ô tô 2023; 2024